trẻ ham học ở miền quê thật khó có công việc nào có ý nghĩa hơn. Tôi vẫn còn nghĩ là tôi có thể sống vui và làm việc như thế cả đời cũng được.

Vậy kinh tế gia làm được gì, làm sao để trở nên chuyên gia kinh tế giỏi?

Nhiều thập kỷ đã qua khi còn trường Luật Saigon, phu nhân của một bạn đồng sự vong niên (hơn tuổi tôi) phàn nàn sao ông chồng của bà là chuyên gia kinh tế mà không giàu. Lý do là kinh tế học không dạy cách làm giàu (học MBA có lẽ gần với mục đích này hơn). Kinh tế gia chỉ là chuyên gia phân tích những hoạt động sản xuất và tiêu thụ (vi-mô/microeconomics) hay những "hiện tượng" kinh tế và chính sách kinh tế của quốc gia (vĩ-mô/macroeconomics). Nếu may mắn thì chuyên gia kinh tế cũng lợi dụng được đôi chút về hiểu biết của mình để kinh doanh: Như ở Vietnam, trước và sau 1975, rất ít chuyên gia kinh tế làm được như vậy.

Việc kinh tế gia làm, tốt hơn là làm kinh doanh, chính là trả lời ba câu hỏi Samuelson đã nêu trong sách Economics hay la nghien cuu và đưa ra các khuyến cáo về chính sách vi mo. Lẽ tất nhiên những việc làm này nghe thì "kinh điển" nhưng rất hệ trọng, nhất là trong lĩnh vực kinh tế vĩ mô. Quả vậy, sự áp dụng các kiến thức kinh tế vĩ mô đã đưa Hoa Kỳ và thế giới ra khỏi cuộc đại khủng hoảng năm 1929 – 1939 và sẽ ra khỏi cuộc suy thoái toàn cầu dai dẳng hiện nay. Và cũng vì sự ích lợi của chuyên gia kinh tế là "có thật" và cần thiết, nên nhiều nơi như các cơ quan quốc tế IMF/World Bank đã có chế độ bù đắp, ưu đãi (thiệt ra là quá ưu đãi, trước những năm 1990) các chuyên gia kinh tế của họ. (Nhân nói về World Bank các bạn trẻ muốn tham gia làm việc ở đây thì nên biết họ thường tuyển dụng những người tốt nghiệp ở một trường đại học danh tiếng).

Làm sao để trở nên một chuyên viên kinh tế giỏi?

Hình như Samuelson có nói rằng khám phá trong khoa học tự nhiên hay chính xác, thường làm khi còn trẻ tuổi, nhưng Khoa học Xã hội (trong đó có kinh tế học) thì càng nhiều tuổi càng hay hơn.

Nhưng lớn tuổi, nhiều kinh nghiệm cũng không đủ bảo đảm là chuyên viên kinh tế giỏi. Tôi vẫn nhớ anh HXT, một đồng nghiệp trẻ hơn tôi, một lần nói với tôi rằng Economics phải học nhiều và đọc rất nhiều mới được. Quả đúng như vậy. Vì kinh tế không phải là khoa học chính xác (học xong biết chắc liền) nên cần rèn luyện lâu năm, tức là đọc rất nhiều và quan trọng hơn nữa là trao đổi (cọ sát về tư tưởng) với đồng nghiệp luôn luôn. Một bạn đồng sự của tôi sau khi rời khỏi nơi làm việc, về quê cũ chừng một năm, nói rằng anh cảm thấy bị tụt hậu về tư tưởng. Nhất là khi làm việc về chính sách vĩ mô, một chuyên viên nếu không có nhiều

năm tự rèn luyện, sẽ chỉ còn dựa vào những điều đã học trong sách khi trước và không có tự tin để có tư duy độc lập được (vì thế ta thường thấy có những chuyên viên kinh tế, do thiếu tự tin, khi viết bài thường trích dẫn ý kiến các tác giả có tiếng, một phần cũng vì cần có sự hỗ trợ cho ý kiến của mình). Đặc điểm của một chuyên viên kinh tế "trưởng thành" chính là tư duy độc lập.

Dòng tư tưởng kinh tế chính ngày nay, trong thời đại này van là Tân Cổ Điển (Neo Classical tên gọi khác là Kinh tế thị trường hay kinh tế tư bản). Ngoại trừ Keynes thuộc về cận đại (1930's mà tư tưởng này đang được dùng để đưa kinh tế ra khỏi suy thoái) còn trong chính mạch (mainstream) Tân Cổ Điển, những ý kiến chủ đạo đã có từ một trăm năm nay. Một chuyên viên kinh tế có tư duy độc lập, thực hành và áp dụng các nguyên tắc căn bản vào thực tế sao cho linh hoạt, và không thấy bị ám ảnh bởi sách vở, và đó là điều phân biệt giữa một chuyên viên trưởng thành và một chuyên viên chưa có "tay nghề" cao.

Tay nghề cao là do sự rèn luyện, và rèn luyện bản chất là một quá trình lâu dài. Đối với người ham học lấy sự học làm vui thì rèn luyện là việc dễ, còn không thì dễ nản, và chỉ còn tự an ủi: vẫn còn bằng cấp ta đã đạt được từ nhiều năm trước tuy nay đã cũ . Và đó thật là sự an ủi bất đắc dĩ, khác với sự rèn luyện, chịu khó của người lấy sự học làm vui.(học nhi thời tập chi, bat diệc lạc hồ – Khổng Tử)

Thay lời kết :

Tôi mong câu chuyện tản mạn về đời đi học kinh tế và làm việc của tôi có ích một phần nào với bạn đọc đang học ngành này. Năm mươi năm đã trôi qua kể từ lúc tôi học bài học kinh tế đầu tiên. Trong năm mươi năm ấy thế giới đã thay đổi nhiều, kinh tế thế giới và Việt Nam cũng thay đổi nhiều, lý thuyết kinh tế thay đổi nhiều và kiến thức kinh tế của các kinh tế gia cũng tăng lên nhiều. Tuy nhiên sự thiếu hiểu biết của giới kinh tế gia (về nguy cơ, rủi ro, tiềm ẩn trong hệ thống tài chính Mỹ do các "sản phẩm tài chính" phức tạp liên quan đến subprime mortgage) đã là lý do vì sao cuộc suy thoái hiện nay đã không được tiên liệu hay ngăn ngừa trước. Bài học này cho thấy chuyên viên kinh tế chỉ có sự hiểu biết giới hạn , vì thế luôn phải rèn luyện và còn phải học nhiều sau khi đã có bằng cấp. ./.,

Virginia, tháng giêng 2010

Pthuyet1@gmail.com

Tưởng Niệm :

Giáo sư NGUYỄN VĂN BÔNG

MỘT LÃNH TỤ BAO DUNG, DÂN CHỦ, VUI VẺ, CAN TRƯỜNG VÀ ĐƯỢC NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ ĐỒNG MINH MỸ QUÝ TRỌNG

GS TẠ VĂN TÀI - Tháng 9/2008

--Từ trái sang phải: Gs Nguyễn Văn Tương, Gs Nguyễn Văn Bông (đi giữa) và Gs Tạ Văn Tài (đi sau).

(Hình trích Di Cảo Giáo sư Nguyễn Văn Bông của tác giả Trần Minh Xuân)

Năm 1965, sau khi tốt nghiệp tại đại học Mỹ, tôi gia nhập ban giáo sư Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, và cũng dạy thêm ở Đại Học Luật Khoa, tại Sài Gòn,Việt Nam. Trong sáu năm trời, tôi được dịp quan sát và làm việc với Giáo sư Nguyễn Văn Bông, Giáo sư Thạc sĩ về Công Pháp của Trường Luật, kiêm Viện Trưởng Học Viện Hành Chánh, cho đến khi ông qua đời năm 1971 vì đặc công cộng sản sát hại. Đứng trước linh cữu của Giáo sư Bông khi hạ huyệt, lần đầu tiên trong đời, và kể từ đó đến nay, đó cũng là lần duy nhất, tôi rưng

rưng nước mắt nghẹn ngào khóc cho một người quá cố không có liên hệ gia đình. Bởi vì tôi xúc động thương cảm cho sự ra đi quá sớm của một giáo sư đại học đồng sự ở cấp trên, mà tôi rất quý mến vì ông có tác phong lãnh đạo bao dung, có tinh thần tận tụy cho nền dân chủ Việt Nam trong nghiên cứu giảng dạy cũng như khi thực thi trong hoạt động chính trị và hành chánh, có cá tính tuy nghiêm túc nhưng vui vẻ với cộng sự viên gần mà lại can trường với các đối tượng xã hội mà ông phải đối đầu, và sau hết có uy tín với nhân dân Miền Nam Việt Nam và đồng minh Hoa Kỳ vào thời đó.

1- MỘT LÃNH TỤ BAO DUNG:

Tôi nhận thấy mọi người làm việc với Giáo sư Bông, từ giáo sư, nhân viên hành chánh, đến các sinh viên tại Học Viện Hành Chánh, đều vừa sợ cái uy, vừa mến cái tốt của người thày đồng thời là người lãnh tụ này. Ông có cái đặc tính mà các nhà nghiên cứu xã hội nói là trong xã hội hay chính trường các quốc gia, ít người hay ít chính khách có : đó là charisma, sức thu hút hấp dẫn người khác. Qua kinh nghiệm cá nhân, tôi khám phá ra và chiêm nghiệm rằng charisma đó, sức hấp dẫn đó, là do lòng bao dung của một người lãnh tụ rộng lượng. Giáo sư Bông dung nạp không kỳ thị các thành phần xã hội với quá trình, đẳng cấp, tôn giáo, chính kiến, nguồn gốc, quê quán khác nhau, miễn là cùng tận tụy lo làm việc chung. Trong chính trị Miền Nam Việt Nam hồi đó, sau giai đoạn chế độ Ngô Đình Diệm đặt vấn đề nguồn gốc Nam Trung Bắc (thí dụ, năm 1960, khi tôi thi trúng tuyển học bổng Fulbright đi du học Mỹ, thì Hội Đồng Du Học nói rõ là 6 học bổng Fulbright phải chia 2 cho người Bắc, 2 cho người Trung, và 2 cho người Nam), thì thời chế độ quân nhân từ 1965, có một Hội Liên Trường gồm các cựu học sinh các trường trung học Miền Nam Việt Nam (như Petrus Ký ở Saigon, Nguyễn Đình Chiểu ở Mỹ Tho v.v…) mà dư luận cứ nghi là để các cựu học sinh gốc Miền Nam mà nay đã thành các người tai mắt trong xã hội, hỗ trợ nhau, đưa nhau lên địa vị ngự trị xã hội và chính trường, gạt bớt

ảnh hưởng của các người gốc Bắc và Trung. Giáo sư Bông, gốc Nam, đã đối xử rất tốt với một người gốc Bắc di cư vào Nam (năm 1954) là tôi và một vài giáo sư khác gốc Bắc, với thái độ bao dung đặc biệt cho các người cộng sự trẻ tuổi cần khuyến khích trong bước đầu cuộc đời sự nghiệp. Đậu tiến sĩ gì thì gì, nhưng với tuổi trẻ nhất trong ban giáo sư, mặt mũi trông non nớt nhất, cho nên chắc là Chi Vụ Giảng Huấn cho tôi còn non quá, bèn giao cho dạy một lớp Ban Tham Sự (sinh viên học 1 năm) mà thôi, chưa dạy Ban Đốc sự (học 3 năm) được? Tôi nêu thắc mắc với Giáo sư Viện Trưởng N.V. Bông, con người dễ thương này tuyên bố cho tôi nghỉ chơi một lục cá nguyệt, đợi lục cá nguyệt tới có môn Đốc sự. Nhân đó, tôi có dịp đi nghiên cứu tại các quận trong tỉnh Định Tường (Mỹ Tho) về Mặt Trận Giải Phóng và nông thôn với anh bạn học người Mỹ lúc đó sang Việt Nam nghiên cứu cho dự án của Rand Corporation. Nhờ tác phong lãnh đạo bao dung của Giáo sư Bông, tôi được khỏe khoắn và có dịp tìm hiểu thêm về phong trào cộng sản ở Miền Nam và nông thôn Miền Nam, và do đó đảm nhận dạy môn Nông Thôn Việt Nam, giúp ích hơn cho sứ mạng đào tạo cán bộ hành chánh gần nông dân hơn, và hiểu họ hơn.

-Phần mộ của cố Gs Nguyễn Văn Bông được cải táng tại FALLS CHURCH, VA, Hoa Kỳ (Hình trích Di Cảo Giáo sư Nguyễn Văn Bông của tác giả Trần Minh Xuân)

2-MỘT HỌC GIẢ VÀ MỘT NHÀ HOẠT ĐỘNG CÓ TINH THẦN DÂN CHỦ VÀ TẬN TỤY CHO VIỆC XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ VIỆT NAM:

Giáo sư Bông viết các tác phẩm về dân chủ và đối lập. Tôi xin để người khác nói về các tác phẩm đó của Giáo sư, một học giả về luật học và chính trị tốt nghiệp tại Đại học Paris, trong số hàng đầu của thế giới Tây Phương. Riêng tôi ở đây chỉ xin nói đến những công việc khác của Giáo sư mà tôi đích thân chứng kiến, cho tôi thấy ông là một nhà dân chủ thành tâm, trong sự tìm hiểu nghiên cứu cũng như trong hoạt động thực tế.

a) Được tôi luyện trong nền văn minh pháp luật của Pháp, lẽ ra

Giáo sư Bông chỉ để ý đến các quy chuẩn dân chủ (democratic norms) áp dụng ở cấp cao nhất trong quốc gia, tức là các quy chuẩn về phân quyền, vai trò hành pháp, quốc hội, tư pháp độc lập, đối lập chính trị, các tự do của người dân v..v. được bàn tới theo truyền thống nghiên cứu luật hiến pháp. Nhưng Giáo sư Bông đã để ý đến các đề tài nghiên cứu thường thấy nhiều hơn tại Mỹ, tức là các cuộc điều tra dư luận (polls) theo phương pháp khoa học xã hội, tức là khuynh hướng đi vào thực tại chính trị trong quần chúng, và Giáo sư tỏ ra rất ưa tìm hiểu về người dân . Khi chúng tôi đề nghị một cuộc điều tra dư luận cử tri nhân cuộc bầu cử bán phần Thượng Viện năm 1970, thì Giáo sư lập tức đồng ý cấp ngân khoản nghiên cứu trích trong ngân sách của Hội Nghiên Cứu Hành Chánh, một cơ cấu tiếp cận của Học Viện Quốc Gia Hành Chánh. Cùng với một nhóm sinh viên Ban Cao học, chúng tôi hoàn thành cuộc điều tra dư luận cử tri, và đã tiên đoán đúng các liên danh tranh cử vô Thượng Viện nào sẽ về đầu và trúng cử, cũng như đưa ra những nhận xét về thái độ cử tri, có lẽ lần đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam, nhờ một cuộc thăm dò dư luận chính trị theo phương pháp khoa học khách quan, không có sự thiên lệch của sự can thiệp chính quyền. Bài tổng kết cuộc nghiên cứu dư luận cử tri được đăng trong Tập San Nghiên Cứu Hành Chánh năm 1970 đó, và trong những năm 2007 và 2008, lại được viết lại bằng Anh Ngữ, cập nhật hoá bằng sự so sánh với các cuộc bầu cử quốc hội do đảng cử để dân bầu tại Việt Nam hiện nay, và đem trình bày trong hai hội nghị tại các trường Đại học Texas Tech University và University of Washington, Seattle. Các bài nghiên cứu về chính kiến thực sự của nhân dân trong cuộc bầu cử trung thực ở Việt Nam, theo phương pháp khoa học khách quan này, mà có lẽ không có từ đó đến nay tại Việt Nam, chính là một di sản tinh thần của Giáo sư Bông.

Tượng thờ cố Gs Nguyễn Văn Bông do các môn sinh thực hiện đặt tại Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ

(Hình trích Di Cảo Giáo sư Nguyễn Văn Bông của tác giả Trần Minh Xuân)

b) Giáo sư Bông không những là nhà học giả về dân chủ, nhưng còn là nhà hoạt động chính trị có tinh thần dân chủ và tận tụy góp phần xây dựng dân chủ trong các công việc ngoài xã hội. Ông đem các phái đoàn của Học Viện Hành Chánh, nhiều khi kèm theo thành viên của các cơ quan hành chánh ở trung ương, để đi kinh lý về các tỉnh, quận , xã, gặp các lãnh đạo hành chánh cấp trung và hạ tầng cơ sở (trong đó, có khá nhiều các cựu sinh viên tốt nghiệp Học Viện), gặp dân chúng tại các địa phương, tìm hiểu tình hình địa phương, để thích ứng nội dung giảng dạy tại Học Viện, vừa khuyến khích các giới chức, trong đó có các cựu sinh viên. Cá nhân tôi đã tháp tùng Giáo sư Bông đi nhiều nơi, mà tôi nhớ nhất là các lần đi về các làng vùng Long Xuyên, An Giang, ở đó đồng bào theo Phật Giáo Hòa Hảo chống Cộng và do đó giữ vững an ninh cho những người từ trung ương xuống được an toàn; hay đi về các quận ở Bạc Liêu và nơi có đồng bào người Việt gốc Miên cư ngụ nhiều. Vì các chuyến đi kinh lý, vì vai trò Viện Trưởng Học Viện Hành Chánh huấn luyện các cán bộ hành chánh cho toàn quốc, mà tên tuổi Giáo sư Bông đã được nhân dân Việt Nam khắp nơi biết, khiến Đại sứ Mỹ Bunker đã nói với Phu nhân Giáo sư là tên tuổi Giáo sư đã trở thành quen thuộc trong mọi gia đình (household name).

3-CÁ TÍNH NGHIÊM KHI CẦN NHƯNG VUI VẺ VÀ CAN TRƯỜNG, KHÔNG BIẾT SỢ CƯỜNG QUYỀN.

Tôi có dịp ngồi làm việc hay nói chuyện với Giáo sư Bông trong những buổi họp đông người như trong Hội Đồng Giáo Sư, hay ít vài ba bốn người như khi bàn công việc với ông, không những tại văn phòng, có khi ông mời đến nhà nữa, cho nên có dịp nhận xét kỹ là tuy ông nghiêm túc, khi cần, trước các sinh viên hay nhân viên đông đảo, nhưng lại là người có biết vui vẻ, riễu cợt, khôi hài với các người gần gũi (câu khôi hài kèm theo cái tay vỗ vào đầu gối hay đùi để nhấn mạnh thêm). Điều này làm cho người cộng sự thoải mái, làm việc với ông tận tụy hơn.

Con người bình dân dễ tính đối với người cộng sự này lại là người không biết sợ cường quyền và rất can trường. Khi ông Nguyễn Văn Hướng (tục danh là Mười Hướng), Phụ tá Hành Chánh cho Tổng Thống Thiệu, biết đến khả năng của tôi qua Giáo sư Hoàng Xuân Hào, lúc đó làm trong văn phòng Phụ Tá Pháp lý cho ông Tổng Thống, yêu cầu Giáo sư Bông cử tôi từ Học Viện Hành Chánh qua đó làm việc, Giáo sư hỏi ý kiến tôi, tôi trả lời là tôi không thích rời khỏi vị trí tại Học Viện, và Giáo sư Bông đã nói với ông Hướng là Giáo sư giữ tôi lại Học Viện, mặc dù Phủ Tổng Thống là cấp trên của Học Viện, có thể trưng dụng nhân viên nếu muốn. Ngay từ những ngày đầu tiên tôi mới vô Học Viện năm 1965, tôi cũng đã thấy Giáo sư Bông không sợ cường quyền. Ngày khai mở niên học 1965, Giáo sư

Bông giao cho tôi đọc bài diễn văn khai khoá, tôi tóm lược luận án tiến sĩ của tôi về vai trò quân đội trong chính trị các nước Đông Nam Á. Phủ Thủ Tướng (gọi là Uỷ Ban Hành Pháp Trung Ương, do Nguyễn Cao Kỳ là Chủ Tịch) bèn cử Đại Tá Dương Hồng Tuân đến Học Viện dự ngày khai khoá, và còn đòi coi trước bài diễn văn của tôi, xem có gì động chạm đến chế độ quân nhân đương quyền ở Việt Nam hay không. Giáo sư Bông nói với tôi là tha hồ muốn nói gì thì nói. Tôi nói hết những ưu khuyết điểm của các chế độ quân nhân. Tôi nhớ là Giáo sư Bông cũng đã diễn giảng về đối lập chính trị một ít năm trước đó.

4- NGƯỜI LÃNH ĐẠO ĐƯỢC NHÂN DÂN TÒAN QUỐC BIỆT TỚI VÀ CÓ UY TÍN VỚI ĐỒNG MINH HOA KỲ:

.Như đã nói trên, vì các công việc Giáo sư Bông làm, từ vai trò Viện Trưởng một học viện quốc gia huấn luyện cho cán bộ hành chánh các cấp, đến các cuộc kinh lý đi thăm các địa phương, cho nên không những các thành phần lãnh đạo trong xã hội Miền Nam biết Giáo Sư, mà các gia đình trong quần chúng Việt Nam ở các địa phương cũng biết tên ông, mà ông Đại sứ Hoa Kỳ mô tả là "household name". Người Mỹ đã quý trọng Ông và bà Phu nhân; họ đã thu xếp để bà Bông được đề cử làm Hội Trưởng Hội Việt Mỹ, một biểu tượng cho tình hữu nghị giữa hai dân tộc Việt và Mỹ, cũng như Hội Việt Mỹ hiện nay tại nước Việt Nam thống nhất.

Có lẽ khi được tin là người Mỹ khuyến khích Tổng Thống Thiệu đề cử Giáo sư Bông làm Thủ Tướng dân sự, ngõ hầu với tinh thần đại đoàn kết, uy tín của ông và lập trường dân chủ của ông, chế độ Miền Nam Việt Nam sẽ được củng cố với thế nhân dân và dân chủ nhiều hơn, có chính nghĩa nhiều hơn cho chế độ do quân đội nắm nhiều quyền, tạo hy vọng là Đồng Minh Mỹ sẽ ủng hộ chế độ Miền Nam nhiều hơn và Miền Nam có hy vọng tồn tại, Trung Ương Cục Miền Nam của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã liên lạc qua bà Nguyễn Tuấn Anh với Ban Đặc Công Thành Uỷ Saigon để ra lệnh ám sát Giáo sư, ám sát ngay ngày hôm sau khi Tổng Thống Thiệu mời Giáo sư làm Thủ Tướng (thời điểm cách một ngày này, do bà Jackie Bông nói với tôi). Liên lạc viên này đã xác nhận việc ám sát trong một bữa tiệc năm 1985 tại nhà ở Saigon của bà con của cựu sinh viên Học Viện Hành Chánh Trần Quý Hùng (hiện ở Mỹ). Phóng Viên Tiziano Terzani trong cuốn "Giai Phong" có viết rằng cựu sinh viên Nguyễn Hữu Thái cũng xác nhận điểm này../.

GS TẠ VĂN TÀI

TƯỞNG NHỚ BẠN THÂN:

GIÁO SƯ TRẦN NHƯ TRÁNG

Gs TẠ VĂN TÀI

Cố Gs. Trần Như Tráng

Từ ngày 2 tháng 2, 2013, khi Trần Như Tráng ra đi về với Trời Đất, mỗi lần nghe văng vẳng đâu đó, có thể là trong tim óc, câu " Nghìn trùng xa cách, người đã đi rồi", tự nhiên tôi lại rưng rưng nước mắt, nhớ người bạn thân luôn luôn đầm ấm với các bạn bè, như trường hợp tôi thì mỗi lần từ California về chơi vùng Boston, nơi Tráng khi ra khỏi Việt Nam định cư 21 năm với đại gia đình, Tráng lại hẹn tôi để gặp nhau, ríu rít chuyện trò dưới bầu trời Boston. Vợ chồng Tráng đi theo hai con trai qua California, nhưng vẫn nói rằng vùng Boston, Massachusetts, là quê hương thứ hai, nơi có nhiều bạn và người thân trong đại gia đình. Trong một thư email vào dịp Lễ Giáng Sinh, Tráng viết: "Tạ văn Tài và Liên Như thân mến, Những ngày lễ cuối năm tụi này nhớ đại gia đình ở Boston và gia đình Tài/Liên Như/chị Hà Thanh/Phương Thảo, Tuấn/Chi/anh chị Chỉnh/anh chị Hợp rất nhiều. Sống với nhau 21 năm ở đó nhiều kỷ niệm. Thật hạnh phúc trong tình bạn/tình gia đình. Người ta thường ca tụng Thanh Tịnh và Anatole France ca tụng hạnh phúc thời đi học, thời còn trẻ. Riêng tôi, hạnh phúc nhất là thời 49 tuổi đầu thoát đươc Cộng Sản và được sống ở vùng Boston 1984-2005. Chúng tôi về định cư vùng Boston cũng nhờ Tạ Văn Tài và Liên Như tích cực giúp.Rời Boston sang California miền nắng ấm chúng tôi vui và buồn lẫn lộn vì như Anatole France đã viết: 'All changes, even the most longed for, have their melancholy'." Chúng tôi

Từ trái: Gs Trần Như Tráng, Gs Nguyễn Văn Canh

trân quý tình thân của Tráng và gia đình, và tuy không đi dự được đám tang của bạn, thì cũng đã nhờ con gái và Dì Lan trong gia đình đại diện để đến bày tỏ tại chỗ sự thương mến của đại gia đình và bạn bè vùng Boston

Cuộc đời Tráng là cả một sự thương mến người và giúp người. Giúp sinh viên được hướng dẫn tốt. Giúp đồng nghiệp giáo dục trong việc giảng dạy cho các lớp thế hệ sau, trong việc xuất bản sách để lại cho đời, tại Đại học Luật Khoa Sàigòn, và nhất là trong Phân Khoa Khoa Học Xã Hội Đại Học Vạn Hạnh, với tư cách Phó Khoa Trưởng. Khi chúng tôi là sinh viên đi học với nhau tại Trường Luật Saigon, Tráng giúp một số bạn bè có bài giảng được ghi chép thật mau và đầy đủ từ lời giảng của các giáo sư, bằng cách nhờ tôi làm việc đó cho các bạn, ngồi lỳ tại mọi lớp mà ghi chú từng chữ các lời giảng và cho đánh máy các lời trong bài giảng đó, bù lại tôi có thù lao để bớt số giờ phải đi dạy học, mà lại giúp bạn bè được. Tại Vạn Hạnh, Tráng cùng giáo sư Phạm Lệ Hương phụ tá đắc lực cho Khoa Trưởng Bùi Tường Huân trong việc gây dựng một ban giảng huấn hùng hậu và xuất bản một tủ sách giáo khoa phong phú do chính các giáo sư phụ trách giảng khóa viết, với giá tượng trưng để cho những sinh viên nào bận công vụ không đến nghe giảng được vẫn có thể lãnh hội kiến thức từ thầy dạy, trong đó có những cuốn sách mà sau 1975, người ta còn dùng và cảm phục nền giáo dục đại học Miền Nam Việt Nam.

Năm 1984, tôi ôm chầm người bạn thân từ giã cuộc đời khắc nghiệt trong nước sang định cư ở xứ người, tìm cuộc sống mới, bằng cách nhờ Tráng đóng vai quản lý cao ốc chung cư của gia đình, đồng thời nhờ vậy bạn tôi giúp tôi an tâm đi học lại trường luật Mỹ, và có đủ thì giờ để học và thi bằng luật sư Mỹ, tìm được con đường sống mới sau thời gian làm học giả nghiên cứu. Cuộc đời hai đứa chúng tôi và gia đình đan xen với nhau, ba chìm bảy nổi với nhau.

Tráng--với vẻ mặt khoan hòa và tình cảm đầm ấm hiện ra mặt--sẽ luôn sống mãi trong tâm tư bạn bè, như chúng tôi. Một thí dụ là một người bạn chung của Tráng và tôi nói rằng sau ngày Tráng ra đi, người ầy nằm mơ thấy Tráng đến nhà, và người ấy nói với Tráng trong mộng: " Cửa trước, cửa sau, bạn đều có chìa khóa rồi, cứ việc mở mà vào chơi bất cứ lúc nào".

Nếu hiện tại trong đời người chỉ là một giây đồng hồ, tương lai cũng chỉ là một giây sau đó, còn sau nữa thì không biết ra sao, và rút cục tất cả đời người là quá khứ trong tinh thần, trong hồi tưởng, thì chúng tôi nghĩ là chị Thủy và các cháu Vick và Ki sẽ thấy niềm an ủi và hãnh diện khi thấy anh Tráng, bố Tráng của quá khứ sẽ sống mãi trong tâm tư bạn bè và người thân, với cuộc đời ý nghĩa và nhân cách dễ cảm mến của Tráng, mỗi khi chị và các cháu trông thấy hay nghĩ đến chúng tôi, những người bạn và người thân .

Để tưởng nhớ bạn thân ngày Tang Trần Như Tráng, 8 tháng 2, 2013

Gs Tạ Văn Tài

Giáo Sư VŨ VĂN MẪU

THÁI-SƠN BẮC-ĐẨU NGÀNH LUẬT HỌC VIỆT-NAM

LG TẠ QUỐC TUẤN

Lời BBT:

Trước năm 1975, luật gia Tạ Quốc Tuấn tốt nghiệp Cao Học Công Pháp tại Đại Học Luật Khoa Sài Gòn, Gs. Anh Văn và là cựu viên chức Bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa. Sau 1975 định cư tại Hoa Kỳ, đã học và tốt nghiệp nhiều văn bằng đại học Hoa Kỳ. Hiện Ông Tạ Quốc Tuấn đang nghỉ hưu tại Austin thủ phủ của Tiểu Bang Texas và đã có nhiều bài biên khảo có giá trị về luật pháp, lịch sử, văn học ...đăng tải trên nhiều báo Việt- Anh ở hải ngoại và từng là cộng tác viên thường xuyên của báo Luật pháp & Đời sống của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam (2004-2009).

Cách đây ngót 17 năm, vào ngày 20.8.1998, ngành luật học Việt-nam đã mất đi một nhân tài: giáo sư Vũ-văn-Mẫu, Luật khoa Thạc sĩ, người được nhiều sinh viên mệnh danh là "Thái sơn Bắc đẩu" của ngành luật học Việt-nam. Giáo sư không phải chỉ là một luật sư, một luật gia bình thường như nhiều luật sư, luật gia khác ở trong cũng như ngoài nước Việt-nam, mà còn là một pháp học gia đúng với nghĩa của danh từ. Giáo sư đã có công rất lớn trong việc xây dựng nền luật học hiện đại Việt-nam.

I. TIỂU SỬ :

Giáo sư Vũ-văn-Mẫu sinh ngày 25.7.1914 tại Hà-nội, quê quán làng Quất-động, thuộc huyện Thường-tín, tỉnh Hà-đông (nay là huyện ngoại

thành Hà-nội).

Giáo sư theo học trường Bưởi (tức là trường Bảo hộ, sau đổi tên là trường trung học Chu-văn-An). Sau khi đỗ Tú tài I, giáo sư đã nộp đơn thi vào trường trung học Pháp Albert Sarraut, theo học ban Toán sơ cấp (Math Elémentaire), và rồi năm 1934, ở tuổi 20, đỗ Tú tài Toán, hạng Bình thứ (mention Assez Bien).

Từ năm 1934 đến năm 1937, giáo sư theo học Luật ở trường Cao đẳng Luật học thuộc Viện Đại học Đông-dương. Đỗ Cử nhân Luật rồi giáo sư thi tri huyện và được bổ làm tri huyện huyện Gia-khánh (nay là huyện Hoa-lư) thuộc tỉnh Ninh-bình, sau chuyển đến huyện Gia-bình thuộc tỉnh Bắc-ninh. Tuy bận rộn với công vụ, nhưng giáo sư vẫn ghi tên theo học ban Cao học ở trường Đại học Luật Hà-nội, và thi đỗ luôn hai chứng chỉ Cao học, trong đó có chứng chỉ Cao học Kinh tế.

Thấy giáo sư còn trẻ mà lại ham học nên Thống sứ Bắc-kỳ bấy giờ đã chuyển giáo sư về làm tri huyện huyện Đông-anh thuộc tỉnh Vĩnh-yên (nay thuộc thành phố Hà-nội), gần Hà-nội hơn.

Sau tháng 8 năm 1945, giáo sư ở nhà, chuẩn bị luận án Tiến sĩ Luật dưới sự hướng dẫn của giáo sư G.H. Camerlynck. Năm 1948 giáo sư sang Paris (Pháp) bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ Luật, Les Successions Testamentaires en Droit Vietnamien, đệ trình tại trường Đại học Luật khoa Paris ngày 1.7.1946(1). Trở về nước, giáo sư được mời làm giảng sư Luật ở trường Đại học Luật Hà-nội.

Năm 1951 giáo sư lại sang Paris chuẩn bị thi Thạc sĩ Luật và năm 1953 đỗ Thạc sĩ Luật (cấp học cao nhất ngành Luật học tại Pháp cho những người đã có bằng Tiến sĩ Luật để được tuyển vào ngạch giáo sư Luật). Sau đó về nước, giáo sư tiếp tục giảng dạy ở trường Đại học Luật Hà-nội, rồi làm Phó Khoa trưởng đầu năm 1954.

Sau khi Hiệp định Đình chiến ở Việt-nam, ký tại Genève (Thụy-sĩ) ngày 20.7.1954, đã chia đôi nước Việt-nam, giáo sư cùng gia đình di tản vào Sài-gòn. Ở Sài-gòn, giáo sư được bổ làm Chánh Nhất Tòa Phá Án, đồng thời được cử làm Khoa trưởng và giáo sư thực thụ trường Đại học Luật khoa thuộc Viện Đại học Sài-gòn. Giáo sư là Khoa trưởng Việt-nam đầu tiên của trường.

Năm 1955, khi nền Cộng-hòa thứ nhất được thành lập, Tổng thống Ngô-đình-Diệm (tại vị năm 1955-1963) mời giáo sư giữ chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao của Việt-nam Cộng-hòa. Dù vậy, giáo sư vẫn tiếp tục giảng dạy.

Ngày 22.8.1963, giáo sư đã đệ đơn từ chức Bộ trưởng Ngoại giao, rồi 7 ngày sau (29-8-1963) đi hành hương 3 tuần bên Ấn-độ; sau đó, ngày 15-9-1963, giáo sư rời Ấn-độ sang Pháp.

Sau khi chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa bị lật đổ (ngày 1.11.1963) và Tổng thống Ngô-đình-Diệm cùng bào đệ Ngô-đình-Nhu bị thảm sát (2.11.1963), giáo sư được chính phủ mới bổ nhiệm làm đại sứ của Việt-nam Cộng-hòa ở Anh-quốc, kiêm hai nước Bỉ và Hà-lan (từ 1964 đến 1967).

Khi Trung tướng Nguyễn-văn-Thiệu lên làm Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia (19.6.1965), giáo sư về nước, mở văn phòng luật sư, chủ yếu làm các vụ án dân sự, rồi làm Thẩm phán Toà Thượng thẩm Sai-gòn.

Năm 1972, với tư cách là một trong các nhà lãnh đạo của Mặt trận Hòa giải Dân tộc, giáo sư tham gia Liên danh Hoa Sen ra tranh cử Thượng nghị sĩ và đã đắc cử.

Ngày 21.4.1975, Tổng thống Nguyễn-văn-Thiệu từ chức, nhường chỗ cho Phó Tổng thống Trần-văn-Hương. Tuy nhiên, ngày 26.4.1975 Quốc hội bỏ phiếu bất tín nhiệm Trần Văn Hương, bầu Đại tướng Dương-văn-Minh lên làm Tổng thống. Giáo sư Vũ-văn-Mẫu được mời làm thủ tướng (29.4.1975), nhưng chỉ một ngày sau, tướng Dương-văn-Minh, tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Sau đó giáo sư bị nhà cầm quyền Cộng sản quản thúc tại nhà rồi phải đi học tập chính trị chừng một tuần.

Năm 1976, trường Đại học Paris mời giáo sư sang dạy học, nhưng nhà cầm quyền Cộng sản không cho phép giáo sư xuất cảnh, mãi cho tới năm 1988 giáo sư mới được cấp phép cho đi. Lúc này giáo sư đã lớn tuổi, nên chỉ sang Pháp thăm họ hàng con cháu rồi lại trở về nước. Mười năm cuối đời, giáo sư sang Paris ở 6 tháng, rồi về Sài-gòn ở 6 tháng. Giáo sư qua đời tại Paris ngày 20.8.1998.

Giáo sư là một học giả lớn chuyên về Dân luật và Cổ luật Việt-nam, lại có kiến thức uyên thâm về cựu học và tân học, biết các ngoại ngữ Anh, Pháp, La-tinh, Hán. Giáo sư đã biên soạn nhiều tác phẩm luật học viết bằng Việt ngữ rất có giá trị. Hơn nữa, có tác phẩm của giáo sư còn được hai giáo sư tỷ giảo pháp trứ danh René David và John E.C Brierley trích dẫn trong sách nổi tiếng về luật so sánh là Major Legal Systems in the World Today(2).

II. Đóng Góp của Giáo Sư Vũ-văn-Mẫu Trong Việc Xây Dựng Nền Luật Học Việt-nam

Giáo sư Vũ-văn-Mẫu rất tích cực hoạt động, góp phần xây dựng và

phát triển ngành luật học quốc gia, chẳng những là qua việc dạy học tại trường luật và ấn hành những tài liệu giáo khoa (một việc rất ít giáo sư khác đương thời làm), mà lại còn bằng những công trình nghiên cứu về các vấn đề thuộc ngành dân luật chuyên môn của giáo sư, và đặc biệt nhất là về cổ luật Việt-nam.

Đóng góp quan trọng đầu tiên của giáo sư là biên soạn, cùng với ông Đào-văn-Tập, bộ Tự Điển Pháp-Việt: Pháp Luật, Chính Trị và Kinh Tế (1955) để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho nền luật học quốc gia trong buổi sơ khai.

Thực vậy, môn luật học được chính thức giảng dạy ở Việt-nam năm 1917, trong thời Pháp thuộc (1862-1945), tại Trường Cao đẳng Pháp Chính Đông-dương (tức Trường Cao đẳng Luật và Hành chính; năm 1917-1933), sau đổi là Trường Cao đẳng Luật học (1933-1938) rồi là Phân khoa Luật (1938-1954) thuộc Viện Đại học Đông-dương (thành lập năm 1907; sau đổi là Viện Đại học Hà-nội), và sau khi chính quyền thực dân Pháp trao trả nền đại học cho quốc gia Việt-nam, tại hai trường Đại Học Luật Khoa, một thuộc Viện Đại học Sài-gòn (1955-1975), và một thuộc Viện Đại học Huế (1960-1975).

Cho đến khi nền đại học Việt-nam được người Pháp trao trả năm 1955, các sinh viên Việt-nam đã được các giáo sư, dù là người Pháp hay người Việt, giảng dạy bằng Pháp ngữ; ngoài ra, các tài liệu hay sách giáo khoa đều viết bằng Pháp ngữ. Trong khi đó, từ sau khi Việt-nam giành lại được độc lập khỏi tay người Pháp năm 1945, số người Việt-nam thông thạo Pháp ngữ, nhất là giới học sinh sinh viên, càng ngày càng ít đi, bởi vì chương trình giáo dục Hoàng-xuân-Hãn áp dụng từ 1945 đã lấy Việt ngữ làm chuyển ngữ chính trong các bậc tiểu và trung học, còn Pháp ngữ chỉ được coi là một sinh ngữ, ngang hàng với Anh ngữ, với số giờ học rất ít trong mỗi tuần (4 giờ nếu là sinh ngữ chính hay 2 giờ nếu là sinh ngữ phụ).

Giáo sư Vũ-văn-Mẫu sớm nhận ra tình trạng này nên thấy cần phải cung cấp cho các sinh viên luật, chính trị và kinh tế, cũng như những người nào mà công việc hay chức vụ có liên hệ đến ba ngành này, một dụng cụ giúp họ hiểu được các tài liệu liên quan tới những địa hạt này viết bằng Pháp ngữ cũng như giúp họ sử dụng và diễn tả những từ và ý về ba địa hạt này bằng Việt ngữ một cách chính xác. Vì thế giáo sư đã cùng ông Đào-văn-Tập (một cựu sinh viên Luật) soạn bộ Tự Điển Pháp-Việt: Pháp Luật, Chính Trị và Kinh Tế (xuất bản năm 1955). Cho tới nay bộ tự điển này vẫn là tài liệu tham khảo căn bản và là nền tảng cho việc biên soạn các tự điển của những người khác, kể cả các tự điển song ngữ trong đó một ngôn ngữ

không phải là Pháp ngữ.

Ngoài ra, sau này giáo sư Vũ-văn-Mẫu còn biên soạn các bộ

khác là Tự Điển Pháp-Việt: Pháp Chính, Kinh Tài và Xã Hội (xuất bản năm 1970); Tiểu Từ Điển Luật và Kinh Tế, soạn chung với các giáo sư Hồ-thời-Sang, Lê-đình-Chân, Lưu-văn-Bình, Nguyễn-cao-Hách (xuất bản năm 1973), Tự Điển Hiến Luật và Dân Luật, soạn chung với giáo sư Lê-đình-Chân.

Mặt khác, sau khi người Pháp trao trả Viện Đại học Sài-gòn cho Việt-nam, giáo sư Vũ-Văn-Mẫu đã được cử làm Khoa Trưởng đầu tiên của Trường Đại Học Luật Khoa Sài-gòn. Giáo sư liền cùng với các giáo sư đồng nghiệp khác như Vũ-quốc-Thông, Vũ-quốc-Thúc, Lưu-văn-Bình, Vũ-văn-Hiền, Nguyễn-Độ, v.v., soạn thảo một chương trình luật học hoàn toàn Việt-nam. Nói là hoàn toàn Việt-nam chẳng những với nghĩa là các môn học được giảng dạy bằng Việt ngữ (ngoại trừ một vài môn nhiệm ý, như Luật Hàng Hải, Luật Hiến Pháp Đối Chiếu, Hình Luật Đối Chiếu, v.v., được giảng dạy bằng Pháp hay Anh ngữ) mà còn với nghĩa là các môn dạy đều dựa trên căn bản luật pháp Việt-nam và trong tinh thần Việt-nam (trừ hai môn Quốc Tế Công Pháp và Quốc Tế Tư Pháp). Ngay cả những môn không phải là luật, như kinh tế, tài chính, ngân sách, v.v., cũng đều lấy Việt-nam làm trường hợp nghiên cứu hay lập luận.

Đồng thời, ngay từ năm 1956, dưới sự hướng dẫn của giáo sư Vũ-văn-Mẫu, trường Đại học Luật khoa Sài-gòn đã biên tập và phát hành Luật Học Kinh Tế Tạp Chí, một tờ quí san chuyên đăng những công trình khảo cứu về các vấn đề luật pháp, hành chính, kinh tế, tài chính, hay phê bình các án lệ của các tòa Thượng Thẩm và tòa Phá Án (sau gọi là Tối Cao Pháp Viện) viết bằng Việt ngữ hay Pháp ngữ. Tạp chí này được chủ trương để cung cấp cho sinh viên cũng như nhiều người khác thêm những tin tức, tài liệu, tư tưởng quí báu, bổ túc cho những bài giảng dạy của các giáo sư trong lớp. Giáo sư Vũ-văn-Mẫu có nhiều bài đăng trong tạp chí.

Đứng về một phương diện khác mà xét, chúng ta thấy giáo sư Vũ-văn-Mẫu đã cho ấn hành một số tài liệu quan trọng về pháp luật và nhất là dân luật Việt-nam hay lấy Việt-nam làm trọng tâm. Đáng kể nhất là các tài liệu Dân Luật Khái Luận (1958, 1961); Việt-nam Dân Luật Lược Khảo (1959, 1963), Việt-nam Dân Luật Lược Giảng: Luật Gia Đình (1973), Pháp Luật Nhập Môn (1973), Pháp Luật Diễn Giảng (1975), v.v. Tuy những tài liệu này là sách giáo khoa viết cho sinh viên luật, nhưng các người khác vẫn có thể dùng các tài liệu đó để tìm hiểu hay nghiên cứu nhiều vấn đề pháp lý liên hệ. Điểm quan trọng là các vấn đề đã được trình bày theo quan niệm và tập tục của người Việt-nam. Đôi khi cần, giáo sư cũng đối chiếu

với pháp luật và dân luật của các nước khác, nhất là của nước Pháp.

Giáo sư Vũ-văn-Mẫu chẳng những chỉ góp phần vào việc xây dựng nền luật học hiện đại Việt-nam mà lại còn có công lớn trong việc nghiên cứu và phổ biến cổ luật Việt-nam nữa. Đành rằng trước, đồng thời, và sau giáo sư cũng có một ít người đã viết về cổ luật Việt-nam, nhưng họ chỉ nghiên cứu về một vài khía cạnh hay vấn đề pháp lý nào đó thôi (chẳng hạn chế độ đa thê, của hương hỏa, tình trạng pháp lý của người vợ góa, v.v.), nhưng không ai làm công việc này trên bình diện tổng quát, bao trùm mọi khía cạnh, mọi vấn đề của cổ luật để người ta có được một cái nhìn toàn diện về cổ luật, cũng như không ai nghiên cứu kỹ càng về lịch sử cổ pháp Việt-nam.

Một quan niệm rất sai lầm của nhiều sinh viên luật cho rằng một luật sư chỉ cần biết đến những đạo luật, những bộ luật, cũng như những án lệ hiện hành là đủ, không cần phải biết đến cổ luật là một món vô bổ, không có lợi gì cho sự biện hộ cho thân chủ của mình(3). Họ có biết đâu rằng những kiến thức, những hiểu biết về cổ luật nhiều khi cũng có ích, có công dụng, cho việc bênh vực quyền lợi của thân chủ, nhất là trong những vấn đề luật hiện đại không qui định.

Một đạo luật hiện tại không phải tự nhiên mà có hay là sáng kiến của một người nào, một nhóm người nào, mà nó là kết quả đúc kết của nhiều biến cố, nhiều tình trạng đã xảy ra trong xã hội, khiến cho các nhà lập pháp thấy cần phải qui định biện pháp đối phó rõ ràng, cụ thể và hợp lý để giải quyết. Vì thế một đạo luật hiện tại thường hoặc là thoát thân từ một đạo luật trong quá khứ, hoặc là sự cải tiến của một đạo luật cũ, một biện pháp cũ, một quan niệm pháp lý cũ. Sự hiểu biết cổ luật vì thế rất quan trọng, có thể giúp không ít cho việc hành nghề của một luật sư.

Cũng có khi một đạo luật hiện tại có khiếm khuyết, không qui định hay qui định không rõ ràng đầy đủ về một vấn đề pháp lý nào đó. Trong trường hợp này, các nhà tư pháp, cũng như các luật gia, nhiều khi phải tham chiếu luật xưa để tìm hiểu cách giải quyết vấn đề mà luật hiện tại không đề cập tới hay qui định thiếu sót. Đó cũng là lý do tại các trường đại học luật khoa trên thế giới đều có giảng dạy thêm cổ luật của nước họ, hoặc thành một môn học riêng hoặc dưới hình thức pháp chế sử hay định chế sử, để giúp cho sinh viên, các luật sư tương lai, có được một số kiến thức và dụng cụ cần thiết để bổ túc cho các kiến thức về luật hiện tại.

Để phổ biến cổ luật Việt-nam, giáo sư Vũ-văn-Mẫu đã nhập môn học này vào môn Dân Luật mà giáo sư đảm nhiệm việc giảng dạy. Sở dĩ giáo sư làm như vậy là vì quan niệm rằng đại đa số các vấn đề tranh chấp kiện tụng giữa hai hay nhiều cá nhân với nhau đều thuộc lãnh vực dân luật (còn

gọi là hộ luật). Nếu giảng dạy cả hai thì sinh viên sẽ có được một cái nhìn quán thông về các vấn đề pháp lý hơn.

Ngoài ra, giáo sư đã cho ấn hành hai tài liệu quan trọng là Cổ luật Việt Nam và Tư pháp sử (quyển thứ nhất, tập nhất in năm 1974; quyển thứ nhất, tập hai in năm 1975; quyển thứ hai in năm 1975) và Cổ luật Việt Nam thông khảo (năm 1968, 1970, 1971, 1974). Hai tài liệu này, nhất là tài liệu thứ nhất, vừa là sách giáo khoa vừa là sách trình bày một cách giản lược lịch sử cổ pháp Việt-nam từ khi lập quốc cho đến thời Pháp thuộc, và các luật lệ liên quan đến gia đình (cả tiểu lẫn đại gia đình), khế ước, trách nhiệm, hình luật, tổ chức tư pháp và tố tụng trong cổ luật, v.v.

Quan trọng hơn nữa là trong thập niên đầu kể từ khi Trường Đại Học Luật Khoa Sài-gòn được trao trả cho người Việt-nam, giáo sư Vũ-văn-Mẫu đã tổ chức việc phiên dịch các tài liệu luật cổ của Việt-nam viết bằng Hán tự sang Việt ngữ.

Bốn tài liệu đã được lần lượt phiên dịch và xuất bản là: (a) Quốc Triều Hình Luật (còn gọi là bộ Luật Hồng-đức, bộ Luật Nhà Lê) do Lưỡng-thần Cao-nãi-Quang dịch (1956); (b) Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan-huy-Chú (chỉ dịch các quyển 13-19, Quan Chức Chí, 29-32, Quốc Dụng, và 33, đại cương về việc san định hình luật của các triều đại) do Cao-nãi-Quang và Nguyễn-sĩ-Giác dịch (1957); (c) Hồng-đức Thiện Chính Thư do Nguyễn-sĩ-Giác dịch (1959); (d) Lê Triều Chiếu Lệnh Thiện Chính do Nguyễn-sĩ-Giác dịch (1961). Tài liệu nào cũng được giáo sư đề tựa và giới thiệu.

Sau hết, nhiều bài biên khảo có giá trị của giáo sư về những vấn đề pháp lý hay giới thiệu luật Việt-nam được đăng trong nhiều tạp chí trong cũng như ngoài nước(4).

Với thời gian vỏn vẹn có 20 năm (1955-1975), những đóng góp kể trên của giáo sư không phải là nhỏ, nhất là khi đem so sánh với những người có cơ hội, có phương tiện, và có khả năng như giáo sư mà đóng góp lại quá nhỏ bé. Đáng tiếc là từ sau biến cố 1975 giáo sư Vũ-văn-Mẫu không còn môi trường hoạt động nữa.

Sự ra đi vĩnh viễn của giáo sư đã để lại một lỗ hổng lớn trong lâu đài luật học Việt-nam, không biết bao giờ mới được lấp kín. Không ai có thể phủ nhận đóng góp và vai trò của giáo sư trong việc xây dựng nền luật học Việt-nam.

Luật gia Tạ Quốc Tuấn

Chú Thích

(1) Luận án này sau được Centre Universitaire de Polycoplage, Paris, xuất bản thành sách năm 1948.

(2) Sách do Free Press xuất bản, in lần thứ 2, 1978.

(3) Trong những người cùng học luật với chúng tôi niên học 1955-1956 đã có ít nhất là ba người (cũng là bạn của chúng tôi) phản đối việc học cổ luật Việt-nam và bỏ sang học ngành đại học khác, dù khi đó cổ luật Việt-nam chỉ được giảng dạy làm phần mở đầu của môn dân luật mà thôi, chứ chưa thành một môn học riêng như sau này.

(4) Thí dụ một bài của giáo sư Vũ-văn-Mẫu giới thiệu về luật Việt-nam đã được Francisco Vega Sala dịch sang tiếng Tây-ban-nha mang nhan đề "Introducción al Derecho Vietnamita" và được đăng trong Revista del Instituto de Derecho Comparado, Barcelona (Tây-ban-nha), số 22-23, 1964, tr. 38-71.

(cập nhật ngày 13.10.2014)

NHỮNG KÝ ỨC CỦA TÔI VỀ
GIÁO SƯ NGUYỄN HUY ĐẨU

LG TẠ QUỐC TUẤN

Giáo sư Nguyễn-Huy-Đẩu (8.5.1914 – 22.9.2008) tốt nghiệp Cử nhân Luật tại trường Đại học Luật-khoa thuộc Viện Đại học Hà-nội năm 1952. Sau đó giáo sư vào làm thẩm phán ở Tòa Thượng-thẩm Sài-gòn, đến năm 1967 thì giữ chức Chánh Nhất Tòa Thượng-thẩm, chức vụ cuối cùng của giáo sư trong ngành tư pháp. Ngoài ra, trong năm 1962-1969, giáo sư phụ trách môn Dân sự Tố tụng tại trường Đại học Luật-khoa Sài-gòn. Năm 1969, giáo sư được mời làm Tổng Thanh tra bộ Ngoại giao VNCH, rồi Phụ tá Tổng trưởng Ngoại giao, phụ trách Nghiên cứu Sưu-tầm (1969-1970). Năm 1970, giáo sư được cử làm Tổng Lãnh-sự Việt-nam Cộng-hòa tại New Delhi, Ấn-độ. Sau 4 năm tại Ấn-độ, năm 1974, Giáo sư được cử làm Đại-sứ Việt-nam Cộng-hòa tại Vương-quốc Morocco. Tuy nhiên, giáo sư

làm Đại sứ mới được 1 năm thì chính quyền Việt-nam Cộng-hòa bị sụp đổ ngày 30.4.1975. Sau đó, giáo sư và gia đình sang Hoa-kỳ lánh nạn và sống ở đây cho tới khi qua đời năm 2008.

Tôi đã có cái may vừa là môn sinh vừa là nhân viên làm việc dưới sự lãnh đạo của giáo sư trong những năm cuối cùng của chế độ Việt-nam Cộng-hòa.Lần đầu tiên tôi gặp giáo sư tại Trường Đại học Luật khoa Sài-gòn. Trong năm thứ ba Cử nhân Luật, niên học 1959-1960, ngoài chương trình thường xuyên ra, Trường Luật bắt đầu một chương trình mới là chương trình thực hành và môn thực hành đầu tiên là Dân Sự Tố Tụng do giáo sư Nguyễn-huy-Đẩu phụ trách.

Điều ngạc nhiên và cũng vô cùng thích thú là giáo sư không đứng hay ngồi ở trên bục giảng, còn các sinh viên ngồi tại các bàn xếp bên dưới như thường lệ đối với các giáo sư khác; trái lại, giáo sư cho xếp các bàn sinh viên quây lại nhau thành hình chữ nhật và giáo sư ngồi giữa các sinh viên (khoảng 30 người, kể cả tôi). Do một sự tình cờ (hay là do duyên tiền định?), khi vào đến lớp giáo sư đến ngồi ngay bên trái tôi. Trong suốt học kỳ giáo sư giữ nguyên chỗ ngồi này.

Vì khi đó giáo sư đang giữ chức Chánh Nhất Tòa Thượng Thẩm Sài-gòn nên việc giảng dạy của giáo sư chú trọng về thực tế hơn là lý thuyết (những bài giảng của giáo sư sau được in trong một quyển sách nhan đề là Luật Dân Sự Tố Tụng Việt-nam, do bộ Tư Pháp Việt-nam Cộng-hòa xuất bản ở Sài-gòn năm 1962).

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân, tôi theo học ban Cao học Kinh tế trước rồi Cao học Công pháp sau (khi đó các sinh viên Cao học không bắt buộc phải có 2 chứng chỉ Cao học cùng một ngành trước khi học Tiến sĩ Luật), nên tưởng không bao giờ còn gặp lại giáo sư nữa. Bẵng đi một thời gian 7, 8 năm. Lúc tôi đang làm việc tại Tòa Đại sứ VNCH ở Đài-bắc (Đài-loan) thì được tin giáo sư đã bỏ ngành tư pháp sang Bộ Ngoại giao, theo lời mời của Tổng trưởng Ngoại giao Trần-chánh-Thành (luật sư). Tại đây giáo sư giữ chức Tổng Thanh tra Ngoại giao.

Giáo sư mới làm ở Bộ Ngoại giao được vài tháng thì tháng 10 năm 1969 tôi từ Đài-bắc trở về làm việc ở Bộ Ngoại giao. Lúc này đây dược sĩ Trần-văn-Lắm làm Tổng trưởng Ngoại giao, thay luật sư Trần-chánh-Thành và giáo sư Nguyễn-huy-Đẩu là Phụ tá Tổng trưởng phụ trách Ban Nghiên cứu và Sưu tầm. Khi về trình diện ở bộ Ngoại-giao, theo thường lệ, tôi được phép nghỉ mấy ngày để thu xếp nơi ăn chốn ở. Tuy nhiên, cũng lúc ấy tôi tình cờ gặp giáo sư đang đi ngoài hành lang và giáo sư đã lập tức đề nghị tôi vào làm việc trong ban của giáo sư với chức vụ Chuyên viên Nghiên cứu Sưu tầm, đặc trách các vấn đề Cộng sản.

Vì ban Nghiên cứu Sưu tầm mới được thành lập, không ai nhận thấy tầm quan trọng của nó, nên không nhân viên ngoại giao hay lãnh sự nào muốn làm việc ở ban này vì cho rằng làm công việc nghiên cứu sưu tầm rất buồn tẻ, không có vị thế, lại "không xứng đáng" (!!!) với chức vụ ngoại giao lãnh sự, nhất là không có cơ hội gặp gỡ các nhân viên ngoại giao lãnh sự ngoại quốc, không được tham dự tiệc tùng của các sứ quán. Họ còn quan niệm rằng công việc nghiên cưu sưu tầm không giúp ích gì cho họ khi họ được cử đi làm việc ở các sứ quán. Vì thế, trong ban của giáo sư lúc đó mới chỉ có hai nhân viên thư ký đánh máy (người của bộ Ngoại giao) và một nhân viên phụ trách bài vở cho những bản tin của bộ (một nhà văn được Tổng trưởng Trần-văn-Lắm đưa vào), chứ chưa có một nhân viên ngạch ngoại giao lãnh sự nào cả. Mọi công việc nghiên cứu sưu tầm một mình giáo sư đảm nhận.

Mặt khác, vì từ thuở còn học ở tiểu học, tôi hàng ngày đã chứng kiến phụ thân ngoài giờ làm việc ở sở ra, tối nào hay ngày cuối tuần nào cũng cặm cụi nghiên cứu các vấn đề lịch sử và văn học, còn tôi thì vốn có óc tò mò luôn luôn muốn tìm hiểu mọi khía cạnh của bất cứ vấn đề nào, nên từ khi bước chân lên trung học tôi đã say mê nghiên cứu. Rồi khi theo học luật tôi chuyên chú học hỏi nghiên cứu nhiều hơn về những môn học gì mang tính quốc tế (như: luật quốc tế, thương mại quốc tế, hàng không quốc tế, v.v.) và trên Cao học tôi theo ban Công pháp vì chương trình học có ba môn học tôi rất mê là Quốc tế Công pháp Thâm cứu, Học thuyết Chính trị và Luật Đối chiếu.

Do đó, thấy đề nghị của giáo sư rất hợp với sở thích của mình, tôi bèn nhận lời và làm việc ngay lúc đó, chứ không nghỉ phép nữa.Tuy nhiên, chỉ mới làm việc với giáo sư có 5 tháng thì tháng 3 năm 1970 tôi lại được Tổng trưởng Trần-văn-Lắm cử sang Ấn-độ làm việc. Tôi đã tưởng không bao giờ còn được làm việc với giáo sư nữa, nhưng chỉ vài tháng sau, giáo sư cũng được cử sang làm Tổng Lãnh sự tại New Delhi (tháng 11 năm 1970).Từ đây, trong ngót 4 năm trời (cuối năm 1970 đến đầu năm 1974), tôi đã làm việc dưới sự lãnh đạo và dìu dắt của giáo sư. Trong thời gian này, tôi đã học hỏi được rất nhiều nơi giáo sư và cũng hiểu biết nhiều về tài năng, kiến thức và tính tình của giáo sư nhiều hơn.

Ấn-độ là đất Phật, vì đây là nơi đức Thích-ca Mâu-ni đản sinh (tại phần đất ngày nay thuộc nước Nepal), đi tu, ngộ đạo, truyền đạo và hóa thân (tất cả đều ở trên phần đất thuộc Ấn-độ); ngoài ra Phật học viện đầu tiên cũng được lập ở Nalanda, gần thành phố Patna, thủ phủ của tiểu bang Bihar (Phật học viện này hiện vẫn còn tồn tại). Còn giáo sư lại là một Phật tử rất tinh thông Phật học. Giáo sư đã chỉ dẫn cho tôi, một người theo Công

giáo (mặc dù gia đình theo đạo Phật), rất nhiều về đạo Phật. Ngoài ra, giáo sư cũng có một kiến thức quảng bác về lịch sử, tôn giáo và văn hóa Ấn-độ. Vì thế, những lúc không bận công vụ, ngoài giờ làm việc, hai thày trò chúng tôi cùng mắc một bệnh như nhau là mê sách, thường đi lùng kiếm các sách vở về đạo Phật, về lịch sử cũng như văn hóa Ấn-độ. Đấy là chưa kể những dịp đi công tác xa, giáo sư và tôi bao giờ cũng dành thì giờ đi thăm những di tích lịch sử, tôn giáo và thắng cảnh trong vùng.

Ngoài đạo Phật ra, tôi còn học hỏi nơi giáo sư được rất nhiều về lịch sử và chính trị, dù là Việt-nam hay thế giới, vì giáo sư có một cái nhìn rất bao quát lại độc đáo về hai bộ môn này. Vì là một luật gia nên bất cứ một vấn đề nào cũng được giáo sư nghiên cứu đến tận nguồn tận gốc, mổ xẻ, phân tích, đối chiếu, tổng hợp kỹ lưỡng trước khi đi đến kết luận. Cũng vì vậy, giáo sư trao cho tôi phụ trách các báo cáo chính trị cũng như thu thập tin tức, và thường luôn luôn bàn bạc cùng tôi, chỉ dẫn tôi, ý nghĩa, căn nguyên của từng vấn đề một.

Không giống như đa số các vị trưởng nhiệm sở ngoại giao hay lãnh sự khác thường chỉ đọc báo chí địa phương nơi các vị làm việc để làm báo cáo trình về bộ, giáo sư còn cho mua thêm các báo và bản tin của các cơ quan đoàn thể trong nước Ấn-độ, của những nước lân cận và cả quốc tế nữa, để dựa vào đó mà tìm hiểu, đối chiếu, phân tích các biến cố, các sự kiện chẳng những là có liên quan tới Ấn-độ mà nhất là có liên quan tới Việt-nam nữa. Vì vậy, hàng ngày và hàng tuần tôi phải đọc mấy chục tờ báo và bản tin để theo dõi tình hình Ấn-độ cũng như quốc tế và Việt-nam về mọi phương diện. Thói quen mua nhiều báo đọc này tôi còn giữ khi sang định cư bên Mỹ, cho đến khi nghỉ hưu mới thôi vì không có nhiều tiền nữa.Dưới sự hướng dẫn của giáo sư, phương pháp nghiên cứu vấn đề của tôi có nhiều tiến bộ, giúp tôi chu toàn nhiệm vụ trước năm 1975 cũng như sau này trong các biên khảo của tôi.

Ngoài ra, được sự khuyến khích của giáo sư, ở Ấn-độ tôi đã theo học một khóa về Liên-hiệp-quốc Học (United Nations Studies) do Viện Liên-hiệp-quốc Học thuộc Liên Đoàn Các Hiệp Hội Liên-hiệp-quốc Ấn-độ (Institute of United Nations Studies of the Indian Federation of United Nations Associations) tổ chức (từ tháng 1 đến tháng 4 năm 1971), một khóa về Luật Hàng Không và Không Gian (Air and Space Law) do Học Viện Luật Hàng Không và Không Gian Ấn-độ (Indian Institute of Air and Space Law) tổ chức (từ tháng 6 đến tháng 11 năm 1971) cả hai ở New Delhi, và bắt đầu từ tháng 9 năm 1973 tôi còn theo học hàm thụ chương trình thi lấy bằng Master of Arts in Political Science của Viện Đại Học Himachal Pradesh (ở thành phố Shimla, thủ phủ của tiểu bang Himachal

Pradesh; đáng tiếc là mới học được 1 năm thì mãn nhiệm kỳ tôi phải về làm việc ở Bộ Ngoại giao, tiếp theo là biến cố 30.4.1975, rồi tị nạn sang Hoa-kỳ, nên không tiếp tục học được nữa).

Ở Trường Luật Sài-gòn, ít nhất là trong 6 năm đầu sau khi Viện Đại học Quốc gia được người Pháp trao trả lại, môn Luật Hàng Không và Không Gian không được giảng dạy (mặc dù trong môn Quốc Tế Công Pháp ở Cử nhân năm thứ 1 và Cao học Công pháp có phần học về chủ quyền lãnh không của quốc gia), còn môn Liên-hiệp-quốc Học không được giảng dạy đầy đủ thành một ban hay một ngành mà cũng chỉ được giảng dạy trong môn Quốc Tế Công Pháp ở Cử nhân năm thứ 1 và Cao học Công pháp. Riêng môn Chính Trị Học thì ở Cử nhân năm thứ 3 và Cao học Công pháp có giảng dạy dưới dạng thức nhập môn tư tưởng chính trị mà thôi.

Mặt khác, cuối năm 1973 tôi đã hoàn tất một tài liệu viết bằng Anh ngữ, The Sovereignty over the Paracels and the Spratlys and International Law, mà tôi từ cuối năm 1970 đã thu thập tài liệu và nghiên cứu trong hơn 3 năm ở Ấn-độ. Khi đánh máy xong tài liệu, tôi có trình giáo sư xem thì giáo sư đề nghị dùng nó làm luận án tiến sĩ luật khi có dịp.Sau đó 2, 3 tuần thì xảy ra vụ Trung-Cộng cưỡng chiếm quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam. Khi giáo sư được lệnh của Bộ Ngoại giao VNCH tới Bộ Ngoại giao Ấn-độ trình bày vấn đề và lập trường của VNCH, giáo sư đã dẫn tôi đi theo (hôm đó là chiều 30 Tết). Khi gặp ông Giám đốc phụ trách các quốc gia Đông-nam Á-châu (ông đã du học Trung-quốc, rồi phục vụ tại Tòa Đại sứ Ấn-độ ở Bắc-kinh, giỏi Hoa ngữ và là một chuyên gia về Trung-quốc sự vụ), giáo sư đã bảo tôi dựa vào tài liệu của tôi mà trình bày cho chính phủ Ấn-độ hay về chủ quyền của Việt-nam trên hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

Chính một phần của tài liệu này cuối năm 1974 đã được tôi trích ra trình bày lại bằng Việt ngữ để đăng trong Tập San Sử Địa (do cố giáo sư Nguyễn-khắc-Kham giới thiệu) với nhan đề "Nhận Xét Về Các Luận Cứ Của Trung-hoa Liên Quan Tới Vấn Đề Chủ Quyền Hai Quần Đảo Hoàng-sa và Trường-sa" (số 29, th. 1-3/1975, tr. 217-257), và từ đó được hiệu đính và bổ túc vài lần rồi đăng trong một số báo ở Hoa-kỳ và Gia-nã-đại, gần đây nhất là trong báo Luật Pháp & Đời Sống (từ số 50 đến số 55, với nhan đề hơi thay đổi).

Trong những dịp đi công tác xa với giáo sư, tôi còn biết thêm được là giáo sư có tính xuề xòa, không bao giờ quan tâm đến việc mình là trưởng một nhiệm sở ngoại giao. Vì thế, những lúc đi đường, giáo sư có thể dừng lại ăn uống, có khi ở trong tiệm, có khi ở ngay quán cóc bên lề đường. Tôi còn nhớ mãi, có một lần hai thày trò chúng tôi đi công tác ở Bangalore

(còn viết là Bangaluru), thủ phủ của tiểu bang Karnataka ở tây-nam bộ Ấn-độ. Sau khi hoàn tất công tác, trên đường về không thấy có một tiệm ăn nào cả, mà chúng tôi đều rất đói. Nửa đường, thấy có một quán cóc dưới một gốc cây to, giáo sư bảo tài xế taxi dừng xe lại, rồi giáo sư thản nhiên ngồi xuống chiếc ghế dài là một thân cây còn nguyên cả vỏ cây, gọi món ăn, rồi ăn một cách tự nhiên, rất là ngon lành.

Giáo sư rất thưởng thức những món ăn Ấn-độ, cho nên mỗi khi đi công tác giáo sư không như các nhân viên khác lỉnh kỉnh mang theo cơm và các món ăn Việt-nam. Có lần hai thày trò chúng tôi đi công tác xa một tuần lễ, ngày ba bữa giáo sư toàn ăn các món Ấn-độ, mặc dù có nhiều tiệm ăn bán cả đồ ăn Âu-Mỹ nữa. Đây cũng là một điểm hai thày trò chúng tôi giống nhau.

Xét về một phương diện khác, giáo sư là người rất thanh liêm. Trong thời gian làm việc chung với giáo sư, tôi chưa lần nào thấy giáo sư làm điều mờ ám về tiền nong. Vì ngoài phận sự chính về ngoại giao và lãnh sự sự vụ ra, tôi còn làm quản lý kế toán của sứ quán. Trong ngân quĩ của bất cứ một sứ quán nào cũng có một khoản tiền, thường được gọi là "quĩ mật ", để dùng vào việc mua tin mật hay trả thù lao, phí tổn cho những người hay hội đoàn có nhiều thế lực hoặc ảnh hưởng để họ phổ biến tin tức hay chính sách, lập trường, v.v., của VNCH. Trong khi nhiều ông đại sứ, tổng lãnh sự khác đã lấy tin tức đăng trong báo địa phương và báo cáo về Bộ là tin mật mua được, rồi lấy tiền quĩ mật bỏ túi riêng (có ông còn lấy tiền đó mua vé máy bay đưa vợ con đi chơi riêng không có dính dáng đến một công tác nào cả, trả tiền khách sạn, tiền ăn uống, tiền giặt giũ quần áo, tiền in ảnh chụp trong chuyến đi chơi của gia đình, v.v.) thì giáo sư mỗi lần mua được một tin mật nào hoặc nhờ được người nào viết bài hay lên tiếng hộ, cũng đều bảo tôi viết chi phiếu hoặc lấy tiền mặt đúng số tiền trả và trao tận tay cho những người này.

Mới làm việc với giáo sư được hơn 3 năm thì giáo sư được cử đi làm Đại sứ ở Vương quốc Maroc. Trước khi đi, giáo sư có nói với tôi là sẽ xin Bộ Ngoại giao VNCH cử tôi sang Maroc làm việc. Khi tôi mãn nhiệm kỳ ở Ấn-đô về Sài-gòn (tháng 6 năm 1974) thì hay tin Bộ đã chấp thuận yêu cầu của giáo sư rồi. Vì vậy, mặc dù có người đề nghị tôi làm Giám đốc nha Nghi lễ thay thế ông (ông cũng tốt nghiệp Cử nhân luật cùng khóa với tôi) để ông đi làm đại sứ, hay có người đề nghị tôi làm Phụ tá Giám đốc nha Âu-Phi, nhưng để tôi không bị ràng buộc nhiều, nhất là cần phải tìm người đồng cấp bậc thay thế lúc tôi được cử đi Maroc, nên Bộ Ngoại giao một lần nữa lại đưa tôi vào tạm làm Chuyên viên Nghiên cứu Sưu tầm trong văn phòng ông Thứ trưởng Ngoại giao. Tuy nhiên, thủ tục cử tôi đi Maroc

chưa làm kịp thì xảy ra biến cố 30.4.1975, nên tôi đã lỡ mất cơ hội lại làm việc một lần nữa với giáo sư.

Một việc khác chứng tỏ mối quan tâm của giáo sư đối với gia đình tôi, dù tôi không được làm việc với giáo sư nữa. Đó là khi hay tin tôi mãn nhiệm kỳ ở Ấn-độ trở về Sài-gòn, từ Maroc giáo sư viết thư ngay về cho ái nữ thứ nhất, lúc đó đang làm việc cho cơ quan United States Catholic Charities (U.S.C.C.) ở Sài-gòn, nhờ kiếm việc làm cho nhà tôi. Do đó, vừa về tới Sài-gòn được một hôm là nhà tôi đã được tuyển vào làm phụ tá cho nữ tu Giám đốc Cô Nhi Viện Bình-triệu. Cũng nhờ thế mà cuối tháng 4/1975 gia đình tôi đã được đưa sang Hoa-kỳ. Gia đình chúng tôi mãi mãi nhớ ơn gia đình giáo sư.

Sau biến cố 30.4.1975, khi từ Maroc sang ở tiểu bang Florida (Hoa-kỳ), giáo sư biết được địa chỉ của tôi ở Dallas, Texas, nên đã viết thư liên lạc ngay, rồi khi giáo sư và phu nhân dọn về ở chung với gia đình ái nữ thứ hai ở Galveston, Texas, vợ chồng chúng tôi đã xuống thăm. Từ đó, giáo sư và tôi thường xuyên thư từ cho nhau. Đến khi gia đình giáo sư dọn lên ở thành phố Alexandria, tiểu bang Virginia, thì giáo sư và phu nhân đã hai lần xuống Dallas thăm vợ chồng tôi và tôi cũng mấy lần lên Alexandria thăm giáo sư và phu nhân.

Điều cảm động nhất là tuy đã già rồi và mắt đã kém, nhưng mỗi lần tôi lên thăm, giáo sư bao giờ cũng tự lái xe đưa tôi đi chơi, đi ăn (giáo sư không bao giờ cho phép tôi trả tiền ăn uống), đi xem đồ cổ, đưa ra sân ga hay phi trường tiễn.

Ngoài ra, biết tôi thích tìm tòi tài liệu nghiên cứu, giáo sư còn giới thiệu tôi với người cháu gái làm trưởng ban luật Việt-nam tại Thư viện Quốc hội Hoa-kỳ. Nhờ vậy, mỗi lần đi thăm giáo sư bao giờ tôi cũng ghé vào Thư viện Quốc hội tìm tài liệu và được cô dành cho một bàn riêng ở bên ngoài văn phòng của cô để ngồi đọc hay viết, cũng như được tự do đi tìm kiếm tài liệu lấy, không cần đến nhân viên nào cả.

Năm 1990, lúc tôi nộp đơn xin theo học chương trình Master of Laws in International Banking Law tại Trường Luật thuộc Viện Đại học Boston (tiểu bang Massachusetts), theo đòi hỏi của nhà trường, giáo sư đã viết thư giới thiệu tôi với nhà trường (một người giới thiệu khác là giáo sư Nguyễn-văn-Canh, bạn học của tôi tại ban Cao học Công pháp Trường Luật Sài-gòn).

Chỉ từ năm 1995, vì nhà tôi mắc chứng Alzheimer's ngày một nặng mà các con thì ở các tiểu bang xa, chỉ có hai vợ chồng sống với nhau thôi, nên tôi không thể đi thăm giáo sư và phu nhân được. Ngay cả có lần giáo

sư dừng chân ở phi trường Dallas-Fort Worth (tiểu bang Texas), chờ đổi phi cơ đi California, giáo sư có gọi điện thoại cho tôi, rủ ra phi trường gặp giáo sư, nhưng kẹt vì không biết trước không thể nhờ ai trông nom nhà tôi, nên tôi không đi gặp giáo sư được. Thật là đáng tiếc.

Không những là giáo sư thích tôi, mà cả phu nhân cũng quí vợ chồng và con cái chúng tôi. Ở Ấn-độ, những lúc đi chơi, dù là trong thành phố New Delhi hay tới các tiểu bang xa, bao giờ giáo sư và phu nhân cũng rủ vợ chồng chúng tôi và các cháu cùng đi. Vì ở nhà chúng tôi gọi các con bằng tên súc vật, nên giáo sư và phu nhân lúc nào cũng gọi tên súc vật của các cháu, chứ không bao giờ gọi tên thật của chúng. Cho đến hiện nay các cháu đã trên 40-50 tuổi cả rồi, nhưng hễ hỏi thăm đến các cháu, giáo sư hay phu nhân vẫn gọi tên súc vật của các cháu.

Do vậy, mỗi khi có cháu nào đi công tác ở tiểu bang Virginia hay thành phố Washington, D.C., bao giờ cũng thay mặt vợ chồng chúng tôi liên lạc hỏi thăm giáo sư và phu nhân. Lần cuối cùng, tháng 7 năm 2007, một người con gái chúng tôi (là luật sư) đi công tác ở Virginia, đã hầu chuyện điện thoại với giáo sư và xin phép đến thăm hai vị. Giáo sư cho hay giáo sư chỉ có già thôi chứ vẫn khỏe mạnh như thường, chẳng có bệnh tật gì cả. Tuy nhiên, lúc đó vì giáo sư và phu nhân sắp ra khỏi nhà, sửa soạn đi xa nên hẹn dịp khác sẽ gặp cháu. Không ngờ đó là lần cuối cùng giáo sư nói chuyện với cháu. Tôi ân hận mãi là mấy năm sau cùng chưa có dịp nào lên thăm gia đình giáo sư cả.

Lg.Tạ Quốc Tuấn
(cập nhật ngày 13.10.2014)

KỶ NIỆM VỚI

GIÁO SƯ NGUYỄN ĐỘ

Ls. ĐOÀN THANH LIÊM

Lời BBT: Ls. Đòan Thanh Liêm, sinh năm Giáp Tuất 1934 tại Cát xuyên, Xuân Trường, Nam Định.Tốt nghiệp Đại học Luật khoa Saigon 1958. Du học tu nghiệp tại Mỹ 1960 – 61

Tốt nghiệp Khóa 13 Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức và Khóa 5 Sĩ quan Hành ChánhTài Chánh trong năm 1962. Gia nhập Luật sư Đòan Tòa Thượng Thẩm Saigon (1969-75).

Ls Liêm là một nhà hoạt động văn hóa xã hội không ngừng nghỉ. Hiện tại dù tuổi đã cao, song Ông vẫn đi hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội khắp đó đây tại hải ngoại.

****

Tôi theo học ở Đại Học Luật Khoa Saigon khóa 1955-58, đó là khóa đầu tiên của Trường Luật mà vừa mới được người Pháp trao lại cho chánh phủ Việt Nam. Vị khoa trưởng tiên khởi kể từ niên khóa 1955-56 là Giáo Sư Vũ Văn Mẫu, lúc đó còn kiêm nhiệm thêm chức vụ bộ trưởng Ngoại

Giao thời chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa nữa. Qua năm sau, tôi lên học năm thứ hai ban cử nhân Luật và được học với Giáo Sư Nguyễn Độ trong hai môn, đó là môn Luật Hành Chánh và môn Hình Luật Tổng Quát.

Gs Nguyễn Độ, nguyên Khoa Trưởng Luật Khoa Saigon trao mũ áo cho tân Tiến sĩ Lê Đình Chi

Giáo Sư Độ người vừa tầm thước, lúc đó vào cỡ tuổi 35-37, nhưng ăn vận trẻ trung, mái tóc luôn chải ép gọn, với cặp kính trắng khá thanh nhã làm toát lên sự thông minh trí thức. Hồi đó giáo sư vẫn còn độc thân và được các sinh viên sầm xì là ông có lối sinh hoạt hồn nhiên, vui sống như cái thời ông còn theo học ở bên Pháp ngày trước. Ông hay đậu chiếc xe hơi Wolkswagen xinh xắn tại sân trường.

Bài giảng của giáo sư nặng nhiều về lý thuyết và kèm theo các chi tiết minh họa thực tế, nên nhiều sinh viên miền Nam mà theo học theo chương trình Pháp ở bậc trung học, thì phải dày công theo dõi lắm mới có thể nắm bắt hết ý nghĩa được. Có bạn nói là cours này "rối mù quá" (touffu). Nhưng mà nếu sinh viên chịu khó tra cứu thêm ở các sách báo khác ở thư viện của trường, mà hồi đó phần lớn là tài liệu bằng tiếng Pháp, thì sẽ thấy được là các bài giảng của giáo sư đã được soạn thảo rất công phu với đầy đủ chi tiết cả về lý thuyết lẫn về thực hành. Một số sinh viên học toàn thời gian (full time student) như các bạn Nguyễn Đình Thảng, Cao Huy Thuần và tôi, thì hay rủ nhau vào thư viện của trường để tìm kiếm

sách báo đọc thêm. Và chúng tôi tìm được vài bài ký tên "Nguyễn Độ" được đăng trong tập san "Repertoire Dalloz" là loại ấn phẩm về luật pháp từ lâu vẫn có uy tín của nước Pháp. Có thể nói ít có giáo sư ở trường Luật Saigon thời đó mà lại có bài phân tích, phê bình luật học mà được chọn đăng nơi tập san uy tín như vậy.

Tôi vẫn còn nhớ hồi đó vì cơ sở của trường trên đường Duy Tân còn thiếu phòng ốc, nên chúng tôi hay phải qua học nhờ bên cơ sở của Viện Đại Học Saigon trên đường Trần Quý Cáp. Và mấy lần sau lớp giảng, tôi có thắc mắc phải đến hỏi Giáo Sư Độ để nhờ giáo sư giảng nghĩa thêm cho. Mà lần nào tôi thấy giáo sư cũng đều vui vẻ chỉ dẫn thêm cho sinh viên; đôi khi cuộc trao đổi có thể kéo dài đến 10-15 phút, mà giáo sư không hề tỏ ý là bị sinh viên làm phiền hà chi cả. Thành ra, riêng về bản thân mình, tôi luôn có ấn tượng tốt đẹp với Giáo Sư Nguyễn Độ, ngay từ cái ngày mới được thụ giáo với ông vào năm 1956-57 lúc đó.

Sau khi tốt nghiệp ra trường mấy năm, tôi lại có duyên làm việc chung với Giáo Sư Độ nữa. Thật là một dịp may mắn hy hữu cho tôi. Sự việc như sau: Năm 1961, sau khi tu nghiệp tại Quốc Hội Hoa kỳ về, thì tôi được cơ quan cử tôi đến làm nhiệm vụ thư ký cho Giáo Sư Nguyễn Độ trong việc soạn bản dự thảo Bộ Hình Luật cho Ủy Ban Tư Pháp Định Chế của Quốc Hội, mà lúc đó do Dân Biểu Lại Tư làm chủ tịch. Tôi đến gặp giáo sư tại tư gia nơi cư xá giáo chức đại học trên đường Duy Tân gần với đường Hiền Vương. Cách xa mấy năm, nay thầy trò lại gặp nhau, tôi thật vui mừng. Giáo sư nói với tôi, "Ông cứ việc nghỉ buổi chiều, đến tối cỡ 6.00-6.30 sau khi cơm nước xong, thì chúng mình sẽ cùng nhau làm việc. Vào buổi tối trời mát, thì làm việc mới thoải mái được..."

Khi bắt tay vào làm việc, thì giáo sư căn dặn tôi đại khái như sau, "Tôi nhận làm việc này là do lời yêu cầu của ông Dân Biểu Lại Tư cũng là bạn bè quen biết từ lâu trong giới luật gia. Nhưng tôi đã ra điều kiện với ông Lại Tư rằng: tôi sẽ không ra trước Quốc Hội để mà phải trả lời những "questions idiotes" của mấy ông dân biểu đâu. Vì thế, cho nên ông chịu khó ghi chép cẩn thận về những điều tôi nói ở đây, để rồi sau này chính ông sẽ giải thích cho các ông dân biểu. Chứ riêng phần tôi, thì tôi chỉ là một người cố vấn cho Ủy Ban Tư Pháp Định Chế của ông Lại Tư mà thôi, tôi không nhận việc phải trả lời thắc mắc của mấy ông dân biểu đâu. Xin ghi rõ là điều kiện tôi đã thỏa thuận với ông Lại Tư là như thế đó..." Càng làm việc gần với ông, tôi càng thấy rõ được sự uyên bác của ông về mặt luật học. Và tôi càng cảm mến phong cách lịch sự tinh tế của ông nữa.

Công việc tôi làm thư ký với Giáo Sư Độ chưa hoàn tất, thì vào đầu năm 1962, tôi phải đi trình diện Khóa 13 trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ

Đức. Và cũng vì năm 1963, chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa bị giải thể sau cuộc chính biến 1/11, thì Quốc Hội cũng bị giải tán, nên bản dự thảo này cũng đã không thể nào được đưa ra biểu quyết để trở thành một đạo luật nữa.

Hồi làm sĩ quan trong Phòng Pháp Chế & Tố Tụng của Bộ Quốc Phòng năm 1963-65, tôi còn hay được theo dõi các bài kết luận của giáo sư trong tư cách là cố vấn của Tham Chánh Viện trong hệ thống tòa án Hành Chánh dưới thời Việt Nam Cộng Hòa nữa. Tôi luôn đánh giá cao cái lối lập luận rất chặt chẽ vững vàng của vị luật gia có tên tuổi lớn trong lãnh vực luật Hành Chánh ở Việt Nam hồi đó.

Sau đó, lâu lâu tôi vẫn đến nhà thăm giáo sư, và lúc nào tôi cũng được ông và bà xã tiếp đón niềm nở, quý mến trân trọng. Nhất là sau năm 1975, thì giáo sư lại càng rảnh rỗi hơn.Ông được bố trí dạy môn Pháp Văn cho sinh viên, thì ông chẳng cần phải mất thời giờ soạn bài vở gì cả. Giáo sư kể nhiều chuyện ở ngoài Bắc, vì các ông Nguyễn Cơ Thạch, Phan Hiền lúc đó là cấp thứ trưởng ở Hanoi thì đều là bạn học chung từ hồi trước năm 1945. Lại nữa bà Nguyễn Cơ Thạch còn là cousin với bà Nguyễn Độ, nên mối liên hệ lại càng khắng khít giữa hai gia đình.

Kết cục là gia đình Giáo Sư Độ đã được đi định cư bên nước Pháp khá sớm, không bao lâu sau khi Giáo Sư Vũ Quốc Thúc cũng được bảo lãnh sang Pháp. Sau khi giáo sư đi qua Pháp rồi, tôi vẫn lại có duyên với căn nhà cũ của ông tại đường Duy Tân, vì căn nhà sau đó lại được cấp phát cho Bác Sĩ Ngô Tôn Liên là bạn cùng ở đại học xá Minh Mạng với tôi hồi năm 1955-56. Con gái của Liên lại là bạn học chung với con gái của tôi ở trường trung học Minh Khai nữa. Thành ra mỗi lần đến chơi với Bác Sĩ Liên, thì tôi lại nhớ đến Giáo Sư Nguyễn Độ ngay tại căn nhà, mà từ mấy chục năm xưa tôi đã sát cánh làm việc với giáo sư.

Nay giáo sư từ giã cõi đời ở bên Pháp đã mấy năm rồi, nhưng đối với tôi thì Giáo Sư Nguyễn Độ luôn để lại trong tôi một hình ảnh trong sáng của một người trí thức, của một vị luật gia rất tận tâm với chức nghiệp và của một vị thầy có một sở học thật vững chắc hồi giữa thế kỷ XX ở miền Nam Việt Nam.

Tôi xin viết những dòng chữ này để ghi lại một ít kỷ niệm thân thiết riêng tư của tôi với vị giáo sư khả kính và khả ái, mà tôi có duyên được gần gũi thân thương khởi đầu cách nay đã trên 50 năm rồi. Xin cầu chúc giáo sư luôn thanh thản nơi cõi vĩnh hằng.

Ls. Đòan Thanh Liêm.

California,.tháng 10 năm 2014.

Hoài Niệm Về:
THẦY TRÒ VÀ BẠN HỮU

Chính Phong Nguyễn Hoàng.

Lời BBT: *Chính Phong Nguyễn Hoàng là bút hiệu của Ls. Nguyễn Thị Chính, ghép tên gọi và tên họ của hai vợ chồng đều là cựu sinh viên luật khoa Sài Gòn và là đồng nghiệp luật sư tại Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn . Di tản qua Hoa Kỳ sau biến cố 30-4-1975, là viên chức Bộ Xã hội Hoa Kỳ . Chính Phong Nguyễn Hoàng phụ trách mục "Bàn Ngang Tán Dọc" trong báo Luật pháp & Đời sống do CLBLKVN ấn hành (2004-2009), đã viết và xuất bản bộ sách Tinh Hoa Đất Mẹ gồm 3 tập nói về phong tục tập quán, ca dao, tục ngữ Việt Nam song ngữ Việt –Anh (2011). Hiện đang nghỉ hưu, Ủy Viên xã hội Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam và là một trong các Biên Tập Viên Kỷ Yếu Đại Học Luật Khoa Sàigòn (1955-1975).*

Đại Hội Thường Niên 2013 của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam đã quyết định tổ chức một cuộc "Hội ngộ toàn cầu cựu sinh viên luật khoa Sàigòn" vào đầu hè năm 2015, chính xác là ba ngày cuối tuần Mùng 1, 2 và 3 tháng 5-2015. Đồng thời, nhân dịp này sẽ ấn hành cuốn "Kỷ Yếu Đại Học Luật Khoa Sàigòn (1955-1975, đánh dấu 60 năm kỷ niệm ngày thành lập Trường Luật Sàigòn (1955-2015).

*Ngày xưa, sau khi cãi tại Tòa Mỹ Tho, Ls. Chính ra chợ Mỹ Tho gặp chị em buôn gánh bán bưng…để thăm dân cho biết sự tìn*h?

Thầy với Bạn bè thân thương

Để góp mặt kẻ già này muốn gửi gấm vào cuốn Kỷ Yếu đôi chút hoài niệm về Trường Luật Sàigòn năm xưa với

Hoài Niệm và tri ân, cố Luật sư TRẦN VĂN TUYÊN :

Buổi chiều ngày 25-4-1975, nắng nhẹ trước sân toà Sàigòn. Khác hẳn những ngày thường, sao quạnh hưu vắng lặng . Maitre Trần Văn Tuyên đăm chiêu chống tay vào bức tường hoa toà án. Tôi bước tới chào, rồi hỏi :

-"thưa maitre…maitre nghĩ gì về "đi" hay "ở" và quyết định sao ?! Maitre đáp:

- "Tôi nghĩ ra ngoại quốc thì còn làm được trò trống gì? Vì trước kia tôi đã ở ngoại quốc khá lâu."

Thiếu suy nghĩ, tôi hấp tấp : "Thưa maitre. Làm gì cũng được, cho dù phải làm người giữ trẻ để nuôi các con ăn học"

Sau này tôi mới hiểu ra rằng "làm trò trống gì" có nghĩa là làm gì cho quốc gia đất nước, đối với một chính trị gia chân chính Trần Văn Tuyên, chứ không phải "làm gì để sống" ở nước ngoài.

Thật vậy, với tư cách là một luật sư, maitre Tuyên thường cãi không công cho các vụ án chính trị dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Sự kiện này khiến Tổng Thống Diệm nghi ngờ ông chống đối. Nhưng thực ra, Ông chống đối độc tài và gia đình trị nên ông bị bắt giam tù đầy.

Trong luật sư đoàn, với tư cách đàn anh, hay bậc cha chú (ông sinh năm 1913, trưởng nam là luật sư Trần Tử Huyền, lại là bạn đồng nghiệp

với chúng tôi). Ông lúc nào cũng tỏ ra lịch sự, trang nhã, khoan dung và thân thiện.Ông thường dạy đàn em những bài giảng về luật pháp và nghề nghiệp rất bổ ích.

Thời Pháp, đến thời Nhật, rồi thời Việt Minh, ông đều giữ những chức vụ quan trọng, nhưng với tinh thần quốc gia dân tộc nên các chính quyền trên đều muốn diệt ông, xin đơn cử một số chức vụ sau đây mà ông đảm nhận :

-Bộ Trưởng Bộ Thông Tin trong nội các Bảo Đại (1949).

-Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng chính phủ Trần Văn Hữu (1950-1951).

-Phó Thủ Tướng, đặc trách kế hoạch, chính phủ Phan Huy Quát (1965).

-Đổng Lý Văn Phòng Bộ Ngoại Giao trong chính phủ liên hiệp quốc-cộng (1946).

-Đại diện Việt Nam tại hội nghị Liên Quốc Đông Dương ở Pháp (1950).

-Cố vấn đặc biệt của phái đoàn Việt Nam tại hội nghị Genève về Đông Dương 1954.

-Đại diện Việt Nam tại hội nghị Hoà Bình PACEM INTERRIS ở Geneva 1967.Cuối cùng, 1975 ông nhất định không xuất ngoại sang Mỹ, vì "nếu bỏ đi thì ai ở lại đấu tranh công khai với Cộng Sản ? nếu CS có giết thì cũng là một cách đền nợ nước, không thành công thì thành nhân vậy",(tập hồi ký của Lê Trọng Văn), ông đã tuyên bố như vậy. Kết quả là CS đã bức tử người anh hùng bất khuất, yêu nước thương dân tại trại Hà Sơn Bình (Bắc Việt).

Ôi ! "anh hùng tử - khí hùng nào tử !"

Một tấm gương sáng cho thế hệ trẻ có tinh thần yêu dân, yêu nước sau này.

Hoài niệm và tri ân chánh án BÙI ĐÌNH TUYÊN :

Từ giã Maitre Tuyên, đi lần vào dẫy hành lang là văn phòng các thẩm phán xử án ! Phòng của Chánh Án Bùi Đình Tuyên ngay đây. Với vẻ thẫn thờ bên chồng hồ sơ đầy ắp. Tôi lẹ miệng : "kính chào ngài chánh án".

- Chào bà Luật sư, mời vô ngồi chơi cái đã… giờ phút này tâm trí đâu mà làm việc

À này, nếu có đường đi nước bước thì chớ quên tụi này nghe chưa !

Buột miệng tôi nói chắc : "đâu dám bỏ rơi chánh án và gia đình ! đi

thì cùng đi một đám chứ (tưởng như kỳ di cư 1954-1955). Nét mặt chánh án vụt tươi hẳn lên : "Ừ, xin nhớ, đừng bỏ rơi tụi này !"

Trong giây phút mà lời dặn quên - nhớ tới hai lần. Tại sao tôi lại nói chắc như vậy ? Như đã trình bầy, ba mấy cháu trước khi vô luật sư đoàn, ông còn có nghề hàng hải. Tuy chưa có tầu trong tay, xong với nghề cũ, hiện trạng và hiện thời lại đắt giá. Chả thế mà ngày 17-4-75, chính chủ hãng tầu TĐT điện thoại nhờ ông mang hộ chiếc tầu chở tôm sang Nhật với thù lao lớn. Chủ tầu đã hứa trong thời gian ông vắng nhà, nếu có biến cố gì sẩy đến, chủ tầu bảo đảm bốc vợ con thuyền trưởng xuất ngoại trước. Chúng tôi đã từ chối sự mời gọi này, cũng chẳng ham tiền.

Quả nhiên ngày 30-4-75 sập tới, chính chúng tôi đã vớt ông chủ tầu tại Nhà Bè. Nhưng, lời hứa với chánh án Tuyên đã không thực hiện được, bởi mấy ngày cuối cùng điện thoại bị cắt không ai liên lạc với ai được. Vả lại nhà chánh án ở tận Thị Nghè, xa bến tầu và xa cả nhà chúng tôi. Thêm vào giới nghiêm 24/24 !

Hồi tưởng lại, khi mới di cư (1954-1955) , bỏ cửa bỏ nhà mà đi với hai bàn tay trắng. Tuy nhiên, bố mẹ chúng tôi vẫn cho các con đi học, tôi chẳng biết thân phận, học vốn lười lại ham chơi, nên thi trung học, trượt vỏ chuối luôn mấy khóa. Cái mộng con xin vô học sư phạm, làm cô giáo trường làng tan thành mây khói. Hận đời, bầy đặt học nhẩy, không phải nhẩy slow, tăng gô hay cò cò, mà nhẩy lớp đệ ngũ, đệ tam nên mới phải vô trường tư. Ở đây, trò đã gặp thầy Bùi Đình Tuyên dậy lý hóa. Thầy là kỹ sư nông lâm súc. Thầy đã dẫn chúng tôi đi thăm trại nuôi heo và rồi trò đã đến thăm nhà thầy ở trong một ngõ hẹp, ngòng ngoèo, căn nhà gỗ một gian. Đẩy cửa bước vô là thấy ngay một buồng chuối tây treo tòng teng nơi góc phòng dài cả thước, thầy mời "cứ tự nhiên , ăn đi, chuối tốt có nhiều potassium".

Thấy cảnh gà trống nuôi con của thầy, với ba "chic" con trên dưới 10 tuổi, chúng tôi không khỏi bùi ngùi. Thầy không để ý, nói tỉnh : "Đi chợ mua cả buồng cho đỡ mất thời giờ, treo đấy trái nào chín trước, tụi nhỏ vặt ăn trước".

Mấy tháng sau, tôi lại nhẩy trường tư khác, thế là thầy trò chia tay nhau, đồng thời thầy trò cũng không còn liên lạc với nhau nữa. Đùng một cái thầy Tuyên lại xuất hiện ở toà Sơ thẩm Sàigòn xử về thiếu nhi phạm pháp và xử giao thông, mà thầy thường nói đùa là xử những vụ "chó cán xe- xe cán chó". Cả hai đều ngạc nhiên! Với tôi, sao thầy từ kỹ sư đổi sang ngành chánh án. Còn với thầy ngạc nhiên hơn trò : "Bà Luật Sư, bà cho tôi biết lý do, nguyên nhân nào thúc đẩy bà học để có địa vị… thành công như ngày nay ? (thầy đã nâng địa vị trò lên ngang hàng với thầy)! Tôi muốn biết để tôi khuyên vợ tôi, S. ngày trước cùng học với bà… Tôi nhớ ra S. ngồi cùng bàn với tôi, rồi nhủ thầm "thầy cũng hào hoa ra phết mới lọt vào

mắt xanh của cô học trò vừa trẻ, vừa xinh, người tầm thước, dịu dàng…", nay trở thành nội trợ trông nom con cái.

Thầy lại tâm sự: "tôi đứng tuổi, tôi muốn S. tiếp tục học, tôi có đủ khả năng cho S. xuất ngoại du học, để sau này có việc gì sẩy đến… S. có thể thay tôi mà dậy dỗ, nuôi dưỡng đàn con còn dại, sau tú tài là S. nhất định không chịu học nữa. Tôi đoán thầy đã đề cập đến trường hợp của tôi, tâng bốc cô học trò xưa trước mặt S. làm S. khó chịu hoặc mặc cảm ? Cho nên đôi khi vợ chồng chúng tôi tới thăm thầy ở Thị Nghè, (có lẽ)? nên S. đã lánh mặt.

Năm 1977, gia đình chúng tôi tái định cư tại Houston. Nhà tôi sau làm Bộ Xã Hội, một hôm điện thoại về nhà cho tôi hay S. đã tới Sở Xã Hội nộp hồ sơ… và nói rằng chánh án Tuyên còn kẹt lại ở quê nhà… Tôi lật đật xin số điện thoại của S. và đợi tới tối mới gọi S. thì bên đầu giây rõ ràng tiếng S. nhưng trả lời "ở đây không có ai tên S. cả". Tôi thất vọng và đoán rằng S. vẫn còn mặc cảm nên cố lánh mặt tôi.Tôi nghĩ lan man có khi nào ở trong trại tù cải tạo Thầy nghĩ rằng, đã có một học trò thất hứa !

Thầy là một anh tài : kỹ sư – giáo sư. Còn nữa, anh Liễn nói thầy có nghề dược rồi thẩm phán.

Với quá trình học vấn đã nêu, cũng như các LS, thẩm phán khác, khi "Nam kỳ khởi nghĩa tiêu công lý, Đồng khởi vùng lên mất tự do". Các ngài đã "được" vào trường… "cải tạo" để học lại tụi "con ranh, con lộn" hết năm này qua năm khác, mà không hiểu nổi bốn chữ "chủ nghĩa xã hội", vì khối óc của quý vị kiên cường, cứng như sỏi, băm không lỗ, bổ không vào. Lòng dạ như sắt như thép mới tiêu hoá được bo bo, cộng với nước mắm thối. Hỏi rằng đầu óc đâu mà thuộc được mớ luật rừng, rối như mớ bòng bong của Bác và Đảng, qua sự dạy dỗ của "giỏi a đồng chí Đỗ Mười,"lớp 2 chưa đỗ đã ngồi bí thư".

Muốn yên thân thì hãy "Hoan hô độc lập tự do, để cho tớ nhá bo bo sái hàm". Chứ mà cứ khư khư luận điệu như Luật Sư Tuyên : "không bao giờ làm tay sai cho đế quốc và cũng chưa làm gì đắc tội với tổ quốc, tội phục vụ đồng bào và tội nặng nữa là tội chống Cộng Sản độc tài đảng trị".

Các vị có giỏi đến mấy cũng không thể nào đỗ để ra khỏi trường cải tạo, thi mút mùa may ra mới lên được cổng thiên đàng, qua nấc thang danh vọng đắng cay. Người ta thường nói "Better to reign in hell than serve in heaven". Nghĩa là thà làm vua dưới địa ngục còn hơn làm thầy tớ trên thiên đàng phải không quý vị ?. Song, già bàn ngang ra rằng làm vua trên thiên đàng (Cộng sản) sao bằng làm đầy tớ ở nghĩa địa vùng đất tự do ? Càng nghĩ đến thầy, càng nhớ những lúc thầy tâm sự và giảng giải "muốn vô ngành tư pháp, bắt buộc phải có bằng cử nhân luật" :

a)-Thẩm phán công tố do Bộ Tư Pháp tuyển (khi cần).

b)-Thẩm phán sử án do Tối Cao Pháp Viện tuyển (khi cần).

Tất cả phải qua kỳ thi viết và vấn đáp. Thời anh Hạo, họ đặc biệt miễn thi cho các cựu quân nhân, nếu có bằng cử nhân luật (giải ngũ mới được miễn thi, chứ đang còn tại ngũ như anh Hạo thì vẫn phải thi. Thi đậu rồi (hay hợp lệ miễn thi). Các ứng viên phải qua một thời hạn khoảng 06 tháng tập sự ngành công tố) : a)-Với phòng biện lý. b) ngành sử án với thẩm phán sử án.

Cuối cùng, các ứng viên sẽ được bổ đi làm nơi nào cần nhân sự.(Anh Trần Hạo, cựu thẩm phán đã bổ túc).

Tôi cũng tâm sự với thầy Tuyên rằng con đường vào luật sư đoàn của tôi không dễ dàng lắm đâu: đỗ cử nhân luật xong, muốn trở thành luật sư không đơn giản như thi vào thẩm phán, mà phải vượt qua một hàng rào kẽm gai dầy đặc. Chiếu gia phả chín mười đời nội ngoại nhà tôi thì chẳng thấy ai là "thầy cò, thầy cãi cả." Mà cũng chẳng có ai làm kỹ sư bác sĩ, chỉ toàn là nhà nho, nhà hiền. Mà nhà nho thì nay cũng suy quá đi:

"Cái học nhà nho đã hỏng rồi
Mười người đi học chín người thôi
Ông nghè ông cống cũng nằm co
Sĩ khí rụt rè gà phải cáo."
(Trần Tế Xương).

Tuyệt nhiên cũng chẳng có bà con, cô bác hay người thân, bạn bè thân nào mở văn phòng luật sư. Mà cũng chẳng thấy văn phòng nào cần luật sư tập sự. Đỗ cử nhân Luật rồi mà cứ loanh quanh như gà mắc dây thung, đợi chờ vô vọng…

Đem bầu tâm sự ngỏ cùng anh bạn (anh Ngân). Anh lại tâm sự với chị ruột của anh là chị Lê Thị Rớt (chị là một thương gia nổi tiếng tại Vĩnh Bình). Chị đứng tuổi lại đứng đắn, còn độc thân tại chỗ. Xe Toyota tài xế lái khi Sàigòn, khi Vĩnh Bình như đi chợ. Chị có lòng lắm, nên khi nghe em là anh Ngân than thở hộ bạn đang tìm chỗ tập sự luật sư thì chị hứa là sẽ tìm hộ cho.

Thú thực tôi không lạc quan và tin ở chị, bởi chị chỉ là một thương gia, chứ không phải là một "luật gia".

Chị Rớt nói rằng chị cùng quê với thủ tướng Nguyễn Văn Lộc, văn phòng của luật sự Lộc nằm trên đường Gia Long, lúc đó lại giao cho luật sư Phạm Thụy Hùng trông coi, vì ông Lộc ở Pháp.

Một buổi chiều, chị Rớt bảo tài xế đánh xe trực chỉ Gia Long đường, đem nội vụ trình bầy với anh Hùng – đưa anh vào thế kẹt, nhận luật sư tập sự thêm thì không có chỗ ngồi (VPLS Lộc lại rất hẹp), có vẻ thót đuôi chuột, không phòng riêng cho LS tập sự là trái với tiêu chuẩn của

luật sư đoàn. Từ chối thì mất lòng chị Rớt, một người rất thân với chủ văn phòng. Anh Hùng phải theo kế Gia Các Lượng như sau :

Thấy văn phòng LS Phan Kiến Khương và Võ Văn Quan ở 71 Gia Long, là một văn phòng nổi tiếng bận : hộ, LS Phan Kiến Khương phụ trách. Hình, LS Võ Văn Quan cộng thêm 02 LS tập sự Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Oanh mà vẫn làm không hết việc. Tìm được kẽ hở ấy, anh Hùng đề nghị với maitre Khương và Maitre Quan nhận thêm tập sự. Thế là Nguyễn thị Mẹt này được chui vào cái phòng ngang dọc 02 thước, kê 3 cái bàn cộng 3 cái ghế đâu lưng nhau. Với chúng tôi không có gì trở ngại, vì ăn hết nhiều, ở hết bao nhiêu ! Song, LS Hùng phải chấp nhận một điều kiện là làm mọi thủ tục, cũng như dẫn ứng viên đi chào ông chánh nhất tòa thượng thẩm (quan trọng nhất), rồi đến các thẩm phán khác. Về phần luật sư thì chào ông thủ lãnh luật sư đoàn, rồi các hội viên trong hội đồng luật sư đoàn. Được lời như cởi tấm lòng, anh Hùng rất sốt sắng và vui vẻ lãnh nhận. May mắn tôi được tập sự tại một văn phòng nổi tiếng, nên đã học hỏi được rất nhiều về nghề nghiệp.

Sau khi niêm yết tên tuổi trong phòng luật sư đoàn một tháng, mọi thủ tục nêu trên hoàn tất, ứng viên sẽ được tuyên thệ để thành luật sư tập sự. Khi tuyên thệ, ứng viên được khoác trên người chiếc áo "tô" đen với cặp tay viền lông thỏ trắng và một tua cũng viền như trên. Luật sư Võ-D đã kể cho tôi nghe dã sử chiếc áo đen : rằng … thủa xửa thủa xưa luật sư luôn cãi thí (không lấy công) cho thân chủ, cãi xong là đi liền… người được bênh vực, để tạ ơn chạy theo bỏ tiền hay tặng vật vào cái túi may bằng lông thỏ đeo sau lưng luật sư. Đó là tiểu tiết để ghi lại trên cái áo "tô"của luật sư ngày nay và cái đuôi áo được cột ngược lên tượng trưng cho cái túi.

Sau khi tuyên thệ, luật sư tập sự được biện hộ (bênh vực) cho thân chủ trước phiên xử hình hay hộ, trước toà hoà giải, sơ thẩm, thượng thẩm ngay cả toà án quân sự với quy tắc là "dưới danh nghĩa của chủ văn phòng nơi mình tập sự. Thí dụ: luật sư … thay mặt cho luật sư Phan Kiến Khương và Võ Văn Quan, xin biện hộ cho …

Luật sư tập sự, đồng thời không được ký tên trên đơn khởi tố … lý đoán …và các giấy tờ khác liên quan đến vụ kiện.

Cố nhiên những vụ kiện, hay thân chủ của luật sư tập sự vẫn là của luật sư tập sự. Có văn phòng, đôi khi còn trả lương hàng tháng cho luật sư tập sự.

Sau thời gian 03 năm, luật sư tập sự phải qua một kỳ thi ra trường mà ban giám khảo là ông Chánh Nhất toà thượng thẩm và thủ lãnh luật sư đoàn ra đề tài và khảo hạch.

Bài thi gồm: thi viết: - một vụ kiện hộ. Đậu thi viết, ứng viên qua một bài hình cãi trước ban giám khảo với một vụ kiện hình. Cả hai bài thi hộ hay hình đều ẩn ở trong những điểm "pháp lý" mà thí sinh phải tìm ra,

chứ không phải cãi hay, hay cãi hùng. Không tìm ra điểm pháp lý, kể như sang năm thi lại. Thi đi thi lại 3 năm mà không đỗ thì kể như thí sinh được mời đi chỗ khác chơi, không có cơ hội tái ngộ.

Đỗ rồi, tức trở thành luật sư thực thụ như ai, khắc bảng đồng treo trước văn phòng (văn phòng luật sư tập sự với …, nếu họ yêu cầu ở lại cộng tác. Nếu không thì phải dã từ, ra mở văn phòng riêng).

Xin thưa thêm: đã là luật sư của luật sư đoàn thì phải theo những qui tắc của luật sư đoàn mình. Không kể tuổi đời mà kể tuổi đoàn: thâm niên kể từ khi gia nhập luật sư đoàn, vô trước là đàn anh, đàn chị. Khi gặp nhau, luật sư ít thâm niên phải chào trước, khi biện hộ phải nhường luật sư thâm niên cãi trước. "Đất lề quê thói" – "giang sơn nào anh hùng đấy", phải có luật có lệ chứ không thể lấy luật giang hồ ra để đối xử với nhau.

Luật sư đoàn cũng có những chế tài rất nghiêm khắc, nếu đoàn viên vi phạm: nặng nhất là "cởi áo" và mời ra khỏi luật sư đoàn, nhẹ thì cảnh cáo v.v…

Thí dụ: bảng treo trước cửa phải cùng cỡ, không ai có quyền làm bảng to như các tiệm buôn và bắc đèn nhấp nháy.

Với tôn chỉ "hữu sạ tự nhiên hương", luật sư không được quảng cáo trên báo chí, Radio hay Ti vi.

Thù lao: luật sư toàn quyền ấn định, nhưng chỉ ấn định một lần, không được tăng thù lao khi thắng kiện.

Sau năm 1954-1955, từ vĩ tuyến 17 trở vào Nam, chúng ta có toà thượng thẩm Huế và toà thượng thẩm Sàigòn. Song song, ta cũng có luật sư đoàn Huế và luật sư đoàn Sàigòn. Luật sư ở miền này sang miền kia biện hộ phải xin phép thẩm quyền toà mình cãi, điều này không gây nhiều khó khăn trên thực tế.

Như đã trình bầy tổng quát vì hai ngành biện hộ (luật sư) và xét xử (thẩm phán) là hai ngành song hành trước cán cân công lý; người viết nhận thấy chương trình đào tạo một thẩm phán đơn giản, ngắn hơn là đào tạo một luật sư. Không kể đến những ưu điểm luật sư đoàn đã dành cho thẩm phán đoàn. Chẳng hạn: miễn thi, miễn tập sự cho các giáo sư trường luật, các thẩm phán, ngay cả toà quân sự. Ngược lại, luật sư muốn chuyển sang ngành thẩm phán (cho dù là thâm niên bao lâu) đều phải thi, nếu đậu mới được tập sự và bổ nhiệm.

Sau khi trình bầy, tâm sự với thầy Tuyên về hai ngành, có lẽ thầy nhận thấy vào nghề luật sư coi bộ mất nhiều công sức hơn ngành thẩm phán, nên thầy cứ khen miết sự kiên trì của học trò . Riêng trò không thuộc loại tài cao trí lớn, ở trường học quá vất vả, với trường nghề quá phức tạp. Nghề luật sư là một tư chức: mới nghe tưởng là nghề tự do, song nó không tự do chút nào, vì có quá nhiều qui tắc, cộng thêm với sự giao tế (cũng vướng vào qui tắc) như đối với toà , với thẩm phán, với giới thừa

hành (cảnh sát… nhân viên toà án v.v…). Rồi với đồng nghiệp và nhất là với "thân chủ", vì nếu không có thân chủ thì làm gì có luật sư… Bởi các lẽ trên: khi con chim sẻ thoát lồng son "nghề nghiệp luật sư" nói riêng, cái lồng vĩ đại "cộng sản" nói chung. Tôi, con chim sẻ ! nhất định từ bỏ những cái lồng ấy, không một chút lưu luyến, hay tiếc rẻ, và cũng không bao giờ muốn chui lại vào những cái lồng ấy "Thà làm chim sẻ trên cành", còn hơn làm kiếp hoàng oanh trong lồng ! (Nightingales will not sing in a case).

Theo luật sư Liễn cho biết : "Thầy sang Mỹ khoảng năm 1989 ở Vạn Thành Hồ, Thầy đã mất chừng một năm sau đó". Rất bàng hoàng ! Thế là không bao giờ được gặp lại thầy nữa để tâm sự, để giãi bầy "sự thất hứa bất đắc dĩ của trò".

Thầy là chú Hoàng Oanh đã vuột khỏi chiếc lồng son "tị hiềm, xảo trá của cuộc đời" để tung bay trên bầu trời trong xanh vô tận.

"Sống làm tướng, thác làm thần". Kính xin thần linh chứng giám.

Kính dâng một bông hồng lên các Vị ra đi vì quốc gia dân tộc.

HOÀI NIỆM VÀ TRI ÂN CỐ Gs VŨ QUỐC THÔNG

Cố Gs. Khoa trưởng và Bà Vũ quốc Thông (chụp trước khi mất vào năm 1988)

Chiếc tầu dầu "Bông Hồng 9" rời kho 5, bến Thương Cảng Sàigòn đúng 10 giờ sáng ngày 30-4-1975. Trên đường ra khơi, thuyền trưởng cho tầu stop tại Nhà Bè để "vớt"bầu đoàn không thê, có thiếp, cùng chủ tầu 36

Hồng Thập Tự, Trần Đình T… Xong, lại tiếp tục cuộc hành trình. Chưa bao xa, thì "ầm", một viên đạn (đại bác ?) khoét lủng sườn tầu. Sợ chìm, cháu Tâm cởi áo, nhét lỗ thủng. Lại một viên đạn nữa bay vèo, chỉ cách mặt thuyền trưởng chừng hai gang tay, khi ông đang đứng trong phòng lái trên boong tầu để điều khiển thuỷ thủ đoàn.

Đồng hành, chiếc Việt Nam Thương Tín từ phía Thủ Thiêm đang lướt trên sông, lãnh mấy quả đạn làm nhà văn Chu Tử phải mạng vong. Bên này, ở tầu Bông Hồng 9 ai nấy đổ mồ hôi hột ! Khi ông chủ tầu hô : "ai Phật giáo : cầu Phật , ai Công giáo : cầu Chúa"! Rốt cuộc, tầu thoát hiểm vượt ra khơi. Riêng tôi trộm nghĩ "nếu tầu chìm ở khúc sông này, e rằng gia đình còn ở lại, không biết mấy đứa nhỏ sống chết ở đâu !..."

Ròng rã hơn 05 ngày trên biển ngày 6-5-1975, tầu "neo" tại Philipine. Trước khi cập bến, thuyền trưởng nhận được cái "list" danh sách trên 400 hành khách bất đắc dĩ mà tầu đã vớt từ bến Thương Cảng ra sông. Liếc qua tờ danh sách , tôi thấy **hai tên quen quen , bèn chạy ra boong tầu cất cao giọng :** *"Có phải anh Vũ Quốc Thuỳ và Vũ Quốc Địch là con của giáo sư Vũ Quốc Thông không ?"* **Đúng vậy, vợ chồng anh Thùy tóm tắt : "***thầy mẹ chúng tôi vào bến kho 5 từ sáng sớm, đi lang thang mãi mà chỉ thấy chiếc Trường Xuân đầy ắp người, tầu hư máy, không thuỷ thủ đoàn, đâu giám liều mạng chen lên tầu. Ngược lại chiếc Bông Hồng 9 , tầu vừa nhỏ cũng không có ai lái ... thầy cô nản lòng nên đã quay về một chập trước rồi* **!" Ở đời hay vướng mắc vào hai chữ "nếu và nhưng", nếu như thầy cô nán lại một đôi giờ thì gặp tụi này rồi, vì cả hai vợ chồng tôi đều là học trò cũ của thầy tại trường Luật. " my house" là sĩ quan hàng hải thương thuyền, nhưng đã chuyển sang nghề cãi, nay nhào xuống tầu làm thuyền trưởng bất đắc dĩ. Nếu thấy thầy, làm sao trò quên được, ắt phải trải thảm đỏ mời thượng khách lên xe hoa (tầu Bông Hồng 9) này rồi. Cả tầu, hơn 400 người, có ai tốn đồng xu cắc bạc nào !**

Cũng vì suốt đêm 29 rạng ngày 30, dù giới nghiêm, chúng tôi cũng liều lặn lội đi kiếm thuỷ thủ đoàn, khi xuống bến thì trời sắp hừng sáng, thầy cô đã bỏ về. Âu cũng là số phận ! thầy cô phải ở lại với CS…chúng tôi vừa tiếc vừa xót xa, vì thầy cô lỡ tầu. Nhớ lại,Thầy vừa hiền lành, vừa đạo đức với môn Pháp Chế Sử, đã khai tâm,mở trí chúng tôi rất nhiều, nhất là tôi lại suất sắc với môn ấy (thi viết được 12 điểm môn của thầy).

CHÍNH PHONG NGUYỄN HOÀNG

Hội ngộ Luật Khoa mùa xuân 2010 tại Houston, Texas.

Hồi ức:

XYZ, ÔNG LÀ AI?

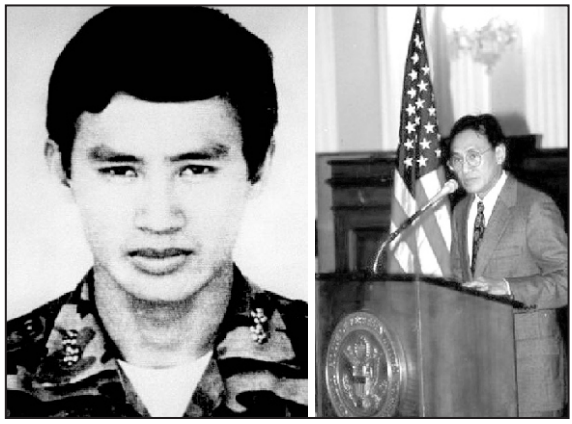

TRẦN TỬ THANH

Tác giả được mời thuyết trình tại Quốc Hội Hoa Kỳ về vấn đề "Vi Phạm Nhân Quyền tại nước CHXHCN Việt Nam".

***Lời BBT:** *Tác gỉa Trần Tử Thanh, cựu sinh viên Luật Khoa Saigòn, cựu Đại úy QLVNCH, là thứ nam của cố Ls. Trần Văn Tuyên (Thủ lãnh Luật Sư Đoàn Sài Gòn cuối cùng). Sau 1975 bị CS bắt cầm tù tại miền bắc vì "Tội Sĩ Quan Chế Độ cũ" (1975-1983), bị Tòa Án Nhân Dân Thành Hồ kết tội "Âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân và Tuyên truyền chống chế độ XHCN", tù lần hai (1984-1990), với bản án tước đoạt quyền công dân, kèm thêm 5 năm quản thúc tại gia từ 1990-1995. Được chính phủ Thụy Điển và chính phủ Hoa Kỳ, chính phủ Pháp và một số Thượng nghị sĩ, dân biểu Quốc Hội HK can thiệp sang định cư tại HK năm 1992. Được Amnesty International, Human Rights Watch/Asia phong tặng danh hiệu "Tù Nhân Vì Lương Tâm" (Prisoner of Conscience). Chủ tịch, sáng lập viên "Ủy Ban Nhân Quyền Helsinki-Việt Nam (1995). Hiện là Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hợp Trung Ương Các Cơ Sở VNQDĐ tại Hải Ngoại.*

-Cựu Chuyên Viên Sở Xã Hội (Social Worker, 1992-2001) và Chuyên Viên Sở An Sinh Xã Hội (Social Security Administration, (2001-2013), đã nghỉ hưu.

Thấm thoát miền Nam Việt Nam Tự Do đã mất vào tay chế độ cộng sản được hơn ba mươi chín năm! Ba mươi chín năm quả là một thời gian khá dài so với cuộc đời con người. Nhưng so với chiều dài lịch sử dân tộc thì nó chỉ như một "giấc kê vàng", một khoảnh khắc khá ngắn ngủi. Đến nay lại thêm một giai đoạn nữa của giòng lịch sử cận đại Việt Nam đã sang trang và khép kín. Hàng loạt những bí ẩn của chính trường Miền Nam cũng được mang xuống tuyền đài cùng với những nhân vật đã từng giữ những vai trò lãnh đạo then chốt trong cuộc chiến chống Cộng, bảo vệ nền tự do dân chủ son trẻ của nhân dân Miền Nam Việt Nam.

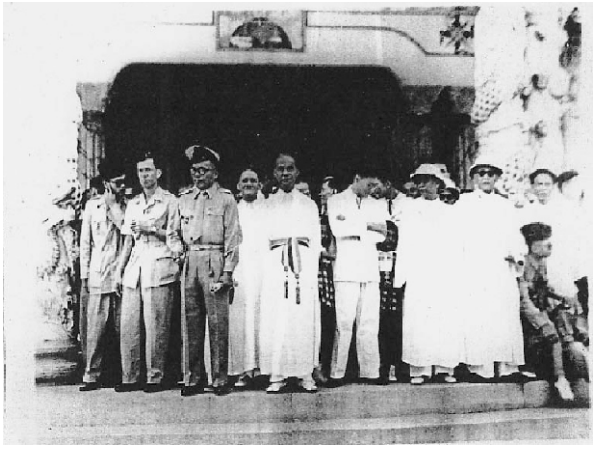

***Ls**. Trần văn Tuyên thăm Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh và dự cuộc duyệt binh của lực lượng quân sự giáo phái Cao Đài.*

Từ trái qua phải: Tướng Nguyễn Thành Phương (thứ hai), Tướng Nguyễn Văn Thành, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Ls. Trần Văn Tuyên & hai ái nữ (đứng sau lưng cha), và hai vị chức sắc Cao Đài.

Tính đến thời điểm này, khá nhiều bí mật lịch sử thuộc thời đệ nhất, đệ nhị Cộng Hòa vẫn còn trong vòng bí ẩn, hiếm được ai mạnh dạn lên tiếng công khai tiết lộ hoặc được bạch hóa vì nhiều lý do khác nhau. Trong khi đó, một số người viết lại lịch sử, ký sự hay hồi ký đã vô tình hay hữu ý ghi lại không ít những sự kiện thiếu sự chuẩn xác, đôi lúc họ còn bịa đặt hoặc suy diễn nhiều sự việc một cách tùy tiện. Thiếu đạo đức hơn nữa, có kẻ lại còn phóng bút tự nhận mình là những nhân vật a, b, c, đã từng nắm giữ những vai trò chính trị quan yếu trên chính trường

cũng như trong hậu trường chính trị Miền Nam. Thậm chí họ còn tự nhận đã từng tham gia vào những công việc ở cấp lãnh đạo quốc gia, mà trên thực tế, chúng nằm ngoài tầm tay cũng như khả năng và vị thế chính trị của họ lúc bấy giờ.

Ai là người đã "ra lệnh" thảm sát Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm và bào đệ ông Cố Vấn Chính Trị Ngô Đình Nhu? Phải chăng lệnh đó phát xuất từ Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, từ chính Đại Sứ Henry Cabot Lodge, từ CIA qua trung tá Lucien Emile Conein, hay Đại Tướng Dương Văn Minh hoặc Trung Tướng Trần Văn Đôn? Tất cả những nhân vật lịch sử này, những người có thể giải mật các câu hỏi của chúng ta nay đều đã khuất.

Ai đã âm mưu hãm hại cố Trung Tướng Đỗ Cao Trí, Tư Lệnh Quân Đoàn III, kiêm vùng 3 Chiến Thuật, người Tổng Chỉ Huy cuộc hành quân vượt biên giới Việt Nam-Kampuchea để truy kích đầu não Cục R (Rờ) tức Trung Ương Cục Miền Nam) ? Qua tin tức khai thác tù binh cao cấp VC bị bắt, ban lãnh đạo Trung Ương Cục R lúc bấy giờ đã chạy tán loạn, mạnh ai người ấy chạy thục mạng về hướng vùng Kratie, Kampuchea để ẩn náu. Lúc bấy giờ, Cố Trung Tướng Đỗ Cao Trí đã có kế hoạch tiếp tục cuộc hành quân truy kích địch để bắt sống hoặc tiêu diệt toàn bộ ban lãnh đạo Trung Ương Cục R. Nhưng tiếc thay, chiếc trực thăng oan nghiệt chở ông, khi chưa kịp bình phi, đã bị nổ tung chỉ ít phút sau khi vừa cất cánh trên chuyến bay thị sát mặt trận chiến trường Kampuchea.

Rồi Ai là người đã ban mật lệnh giết Đại úy Nguyễn Văn Nhung, sĩ quan tùy viên kiêm cận vệ của Đại Tướng Dương Văn Minh bằng cách siết cổ bằng giây dù cho đến tắt thở rồi loan tin Đại úy Nhung treo cổ tự vẫn? Đại úy Nhung chính là "tay sát thủ", là người thi hành lệnh giết hại cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu một cách rất tàn ác.

Chỉ mới đặt ra vài câu hỏi trong hàng vạn bí mật lịch sử cận đại của chính trường Miền Nam mà mãi cho đến nay sử sách vẫn chưa tìm ra được câu giải đáp chính xác và thỏa đáng.

Một trong những bí ẩn lịch sử nữa chúng tôi muốn nêu lên và ghi lại ngày hôm nay để chúng ta tìm hiểu và theo thiển ý, ít nhiều chắc cũng có người còn nhớ tới. Đó là tác gỉa bí mật của những bài tham luận chính trị viết từ Việt Nam, đã một thời vang dội bay sang cả các nước Âu

Mỹ, được trích đăng trên các tờ Le Monde, Le Figaro nổi tiếng tại Pháp, France-Asie tại Hồng Kông và New York Times tai Hoa Kỳ. Đặc biệt, đó là những bài nhận định chính trị liên quan đến tình hình Việt Nam được đăng hàng tuần trên tờ tuần báo Thời Luận vào những năm 1957-58 với bút hiệu **XYZ và Chính Nghĩa.**

Ông Nghiêm Xuân Thiện (1909-2003), chủ nhiệm tuần báo Thời Luận

Quay ngược dòng thời gian, vào những năm1956-1958, quý vị độc gỉa nào vào thời đó đã từng sống tại Sàigòn hoặc tại các thành phố lớn tại Miền Nam chắc còn nhớ hoặc nghe đến tên ông Nghiêm Xuân Thiện. Ông từng là cựu Quốc Vụ Khanh trong chính phủ quốc gia, cựu Đại Biểu Chính Phủ tại Bắc Phần vào năm 1948. Sau hiệp định Genève năm 1954, ông đưa gia đình di cư vào Miền Nam. Đến năm 1956, ông được Bộ Thông Tin cho phép xuất bản tờ tuần báo Thời Luận, với tư cách Chủ Nhiệm, kiêm Chủ Bút. Những số báo Thời Luận đầu tiên in ra thường chỉ vỏn vẹn có vài ngàn số khiêm tốn, với số độc gỉa trí thức nhất định. Đa phần độc giả của Thời Luận là những người thích quan tâm theo dõi thời cuộc nước nhà và tình hình chính trị thế giới.

Vào những tháng cuối cùng của năm 1957, tuần báo Thời Luận đột nhiên khởi sắc với hàng loạt những bài tham luận chính trị của một tác gỉa rất bí ẩn, lúc lấy bút hiệu XYZ, khi ký tên Chính Nghĩa. Nếu độc giả nào tinh ý khi đọc, qua cách hành văn, bố cục và nội dung bài tham luận, sẽ dễ nhận ra ngay XYZ và Chính Nghĩa chỉ là một người. Mỗi tuần tác gỉa chỉ viết duy nhất có một bài, được đăng trịnh trọng ở trang đầu, phía trên, bên góc phải của trang báo. Những bài tham luận thường đặt trọng tâm vào những khuyết điểm của chính phủ Ngô Đình Diệm liên quan đến các hành động phản dân chủ như khủng bố, vô cớ bắt giam, có khi còn thủ tiêu cả những đảng viên các đảng phái quốc gia chống cộng , hoặc các vụ xử án trái pháp luật, trái Luật Tố Tụng đối với những nhà đối lập chính trị không cộng sản. Bài báo cũng nêu bật những tệ nạn độc quyền kinh tế, gian lận bầu cử hoặc những chia rẽ, xáo trộn trong hàng ngũ quân đội và công chức qua sự lạm quyền, bè phái, chèn ép của các đảng viên đảng Cần Lao (được tổ chức rập khuôn theo đảng CSVN) đối với những thành phần ngoài đảng. Tệ nạn phân biệt này đang từng ngày làm suy yếu tinh thần quân đội Việt Nam Cộng Hòa đang ngày đêm xả thân chiến đấu chống lại các cuộc tấn công phá hoại của cộng sản, bảo vệ sự sống còn của Miền

Nam Việt Nam. Đặc biệt hơn nữa, tác giả bí mật XYZ hoặc Chính Nghĩa còn viết một loạt bài "Thư Gửi Ông Nghị Của Tôi", phê bình những việc làm vi hiến của một số dân biểu do chính quyền dựng lên, được gọi một cách châm biếm là "Nghị Gật", chỉ biết khoanh tay ngậm miệng, biểu quyết theo sự điều hướng hoặc chỉ thị của chính phủ … Những bài tham luận chính trị được viết với câu văn giản dị, rất dễ đọc, không cầu kỳ, khách quan phân tách và nghiêm khắc phê phán những việc làm thiếu dân chủ , nặng tính gia đình trị của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu và nội các. Những bài báo của XYZ và Chính Nghĩa đã làm cho Tổng Thống Diệm và ông Nhu, nhất là Bộ Thông Tin cùng Bộ Nội Vụ vô cùng bối rối và tức tối.

Tôi còn nhớ lúc bấy giờ, cứ đến mỗi sáng Thứ Bảy, chúng tôi thấy các em bé bán báo rong ôm từng xấp báo vừa chạy vừa rao to "Thời Luận mới ra lò! XYZ, Chính Nghĩa viết nóng hổi đây!" Gần cửa trường học chúng tôi, trên đường Hồng Thập Tự, bên hông Dinh Độc Lập có hai sạp báo lúc nào cũng tấp nập những người ghé xe vào mua. Khắp nơi trong thành phố, hàng chồng báo Thời Luận vừa đem từ nhà in ra, chưa kịp bày lên sạp, chỉ trong chốc lát đã bán hết sạch. Thời gian đó, giới trí thức, sinh viên rất ưa thích tờ Thời Luận, kể cả các bác tài xế taxi hoặc các bác đạp xe xích lô, trong khi nghỉ, chờ đợi khách, hầu như ai cũng có trên tay tờ Thời Luận đọc một cách thích thú.

Chính chú Ba Khánh (1), người tài xế trung thành của gia đình chúng tôi, tuần nào cũng mua tờ Thời Luận. Một hôm trên đường đưa mấy anh em chúng tôi từ trường về nhà, trên xe có Ba tôi, chú hỏi "Ông có đọc bài "Thư gửi ông Nghị của tôi" của XYZ tuần này chưa? Vừa nói chú vừa xoay người đưa tờ báo cho Ba tôi, "cha XYZ này là ai mà cả gan thiệt, viết vậy "chúng" bắt được "chúng" dám cho đi Côn Đảo hoặc cho đi mò tôm lắm! Ba tôi cầm tờ báo, vừa cười vừa trả lời bâng quơ "Biết ai mà bắt… ".

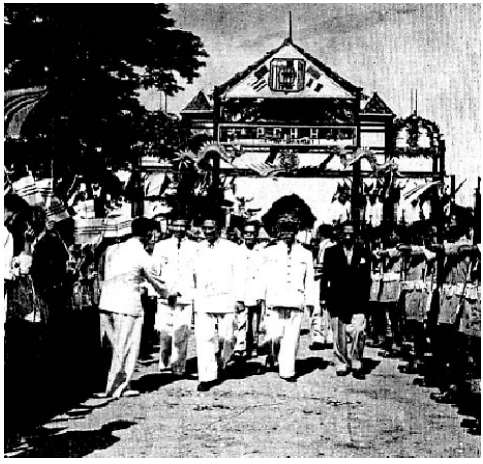

***L**s. Trần Văn Tuyên trong chức vụ Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng năm 1951 đi thăm lực lượng quân sự Hòa Hào ở Cái Vồn. Người đội mũ Képi đi bên phải cạnh Ls. Tuyên là tướng Năm Lửa*

Trần Văn Soái.

Nhiều người bạn thân của gia đình đến thăm cha mẹ chúng tôi cũng thường bàn tán và suy đoán về XYZ và Chính Nghĩa. Người thì nói đó là ông Nghiêm Xuân Thiện. Vì khi làm Tổng Trấn Bắc Phần năm 1948, ông Thiện đã cưu mang hai anh em ông Diệm và ông Nhu lúc hai vị này còn thuở hàn vi. Bây giờ hai anh em Tổng Thống Diệm đã có chức, có quyền mới đền ơn đáp nghĩa, để yên cho ông làm báo đối lập. Có người còn quả quyết tác giả của những bài báo đó là Bác sỹ Phan Quang Đán, hoặc là Kỹ sư Phan Khắc Sửu, cũng có thể là ông Trần Văn Văn, hay Bác Sỹ Trần Văn Đỗ…Chính nhà báo tiếng tăm quốc tế Bernard Fall trong quyển "The Two Vietnams", tại trang 270-271 cũng ghi rõ: "…Ngày 15 tháng 3 năm 1958, ông Nghiêm Xuân Thiện, Cựu Tổng Trấn Bắc Phần, trong một lá thư ngỏ "Gửi Dân Biểu của tôi "(2) đăng trên tuần báo Thời Luận do ông làm Chủ nhiệm, nhận xét rằng:

"*… Dưới thời chính phủ phong kiến thực dân Nguyễn Văn Tâm, "trong những cuộc bầu cử Hội Đồng Tỉnh và Hội Đồng Xã, dân chúng bị dọa nạt và ép buộc phải đi bầu, nhưng còn khá hơn những cuộc bầu cử của quý vị, vì không có ai dùng xe cam nhông chở lính vào Saìgòn để "giúp việc bỏ phiếu"... Quý vị lấy làm hãnh diện đã tạo lập cho Việt Nam một chính thể mà quý vị cho là tương tự như nước Mỹ. Nếu có tương tự thì cũng như một tòa nhà chọc trời và một ngôi nhà mái tôn, giống nhau ở chỗ cùng là những nơi có người ở...Ở đây, dân biểu là những viên chức chính trị làm luật giống như một xướng ngôn viên trên đài phát thanh, lớn giọng đọc những bản văn đã có người soạn sẵn từ trước…*□

Có lần đến thăm cha tôi , thường là vào buổi sáng sớm để tránh sự theo dõi của công an, mật vụ, bác Nghiêm Xuân Thiện có cho cha tôi biết, mặc dù tuần nào bác cũng đã cho in đến một trăm hai mươi ngàn (120.000) số mà vẫn không đủ báo để bán! Bác nói, "Anh có biết chính quyền, nhất là Ngô Đình Nhu đang đau đầu vì ngòi bút của XYZ và Chính Nghĩa không?"

Vào thời điểm đó, Thời Luận là tờ báo đối lập duy nhất với chính quyền, là báo bán chạy nhất, với số ấn bản cao nhất trong làng báo chí Miền Nam. Trong lịch sử làng báo Miền Nam Tự Do, chưa bao giờ lại có một nhật báo hoặc tuần báo nào có số ấn bản cao kỷ lục như vậy!

Theo nhà văn Hoàng Hải Thủy, một trong những cây bút kỳ cựu nhất của nhật báo "Sàigòn Mới" của bà Bút Trà, một tờ báo (thân chính quyền) bán chạy nhất nước cũng không bao giờ in được trên bốn mươi ngàn số (40.000).

Ls. Trần Văn Tuyên trước văn phòng luật sư của ông tại số 40 đường Gia Long, Sài Gòn.

Không lâu sau đó, ở khắp mọi nơi từ trong công sở đến ngoài quần chúng, từ hang cùng ngõ hẻm, nơi nơi đều bàn tán xôn xao về những bài tham luận chính trị trên tờ Thời Luận của tác giả XYZ và Chính Nghĩa.

P*hó Thủ Tướng Trần Văn Tuyên diện kiến Tổng Thống nước Cộng Hòa Ivory Coast Houphouet Boigny trong chuyến công du tranh thủ ngoại giao với các quốc gia Phi Châu năm 1965. Người ngồi bên phải Phó Thủ Tướng là LS Nguyễn Duy Quang, ngoài cùng bên trái là BS Đặng Văn Sung.*

Quá tức tối vì Công An Mật Vụ điều tra mãi không phát hiện được XYZ và Chính Nghĩa, ông cố vấn Ngô Đình Nhu đã ra mật lệnh cho mật vụ tổ chức một số côn đồ, giả dạng thường dân đến tòa báo Thời Luận, nằm trên đường Gia Long, đối diện với rạp hát Long Phụng, đập phá máy móc, đồ đạc trong tòa soạn và chiếc xe Citroen 15 ngựa của vị chủ nhiệm.

Bác Nghiêm Xuân Thiện bị bắt giữ. Mặc dù bị đánh đập, tra khảo nhiều ngày, bác vẫn tuyệt đối không khai báo XYZ và Chính Nghĩa là ai? Bác bị chính quyền truy tố về tội "Xử dụng báo chí để phỉ báng chính quyền" và bị phạt 10 tháng tù giam. Tuy tuần báo Thời Luận đã bị rút giấy phép và đóng cửa, vị Chủ nhiệm còn đang trong vòng lao lý, nhưng ở ngoài, những bài báo ký tên XYZ và Chính Nghĩa viết về Việt Nam vẫn thỉnh thoảng còn thấy xuất hiện trên tờ Le Monde, le Figaro tại Paris và trên nguyệt san France-Asie của ông René de Berval, văn phòng đặt tại Hồng Kông.

Theo một người bạn của cha tôi, thuộc giới thân cận với văn phòng Cố Vấn Chính Trị, ông Ngô Đình Nhu đã đặt giải thưởng một triệu đồng (1,000.000 đồng) cho bất cứ ai tố giác bắt được XYZ hoặc Chính Nghĩa! Một triệu đồng vào năm 1958 không phải là một số tiền nhỏ!

Kể từ năm 1958 trở đi, chính quyền gia tăng bắt bớ bất cứ ai phê bình đụng chạm đến chính phủ. Nhà chúng tôi bị ném lựu đạn, cửa kính trong nhà vỡ tung tóe. Rất may mắn hôm đó anh em chúng tôi vừa đi học về, chưa kịp thay quần áo xuống vườn sân cỏ chơi như thường lệ nên không bị tổn thương. Cha tôi bị mật vụ bắt rồi thả ít nhất cũng bốn hoặc năm lần, cũng chỉ để tra hỏi về những hoạt động của Việt Nam Quốc Dân Đảng hoặc tìm hiểu xem XYZ và Chính Nghĩa là ai?

Vụ đảo chánh thất bại ngày 11-11-1960 của Đại Tá Nguyễn Chánh Thi đã tạo ra lý do để chính phủ NgôĐình Diệm ra lệnh bắt giữ hầu hết những chính khách tiếng tăm trong nước, trong đó có 18 nhân vật trí thức thuộc nhóm Tự Do Tiến Bộ, còn được gọi là nhóm Caravelle (3). Ngày 13 tháng 11 năm 1960, hai ngày sau vụ đảo chánh thất bại, nhân viên mật vụ đến bắt cha chúng tôi tại nhà, số 198 đường Hồng Thập Tự (4).

Ngày 7 tháng 7 năm 1963, gia đình chúng tôi nhận được tin Bác Nguyễn Tường Tam tức Nhất Linh đã qua đời vì ông quyên sinh bằng rượu pha độc dược để phản đối chính phủ. Theo lệnh của nhà cầm quyền, gia đình phải chôn Bác gấp tại nghĩa trang chùa Giác Minh ở Gò Vấp, không cho đợi người con cả của Bác là anh Nguyễn Tường Việt ở Pháp về dự lễ tang. Cũng trong tháng 7 năm đó, bốn tháng trước khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, qua áp lực mạnh mẽ của quốc tế, cha tôi và một số nhân sĩ trong nhóm Caravelle bị đưa ra tòa án quân sự xét xử, rồi được trả tự do sau 3 năm bị mật vụ giam giữ.

Tháng 11 năm 1963, sau khi TT Ngô Đình Diệm bị lật đổ, chính những người đến bắt và thẩm cung cha tôi trước đây đã đến tận nhà xin gặp ông để tạ lỗi và xin ông bỏ qua những việc làm trước đây của họ. Tôi nhớ mãi giọng ôn tồn của cha tôi với những nhân viên mật vụ này:

Tôi nhớ đại ý Cha tôi còn khuyên họ:

"*…Các chú nên tránh việc lạm dụng chức quyền của mình để áp bức dân lành, đừng tra tấn, đánh đập những người tù nhân chính trị, nhất là những người quốc gia chân chính. Họ là những người có lý tưởng, dám hy sinh cả thân xác, máu xương họ để đấu tranh cho quyền lợi của đồng bào, trong đó có cả quyền lợi của chính các chú và gia đình các chú…Thôi quên chuyện cũ đi! Bây giờ các chú cứ yên tâm trở về nhiệm sở làm việc. Tôi nghĩ chẳng ai trong chúng tôi oán trách và trả thù các chú đâu. Nếu các chú và gia đình có gặp việc gì phiền toái, cứ mạnh dạn đến báo cho tôi biết, tôi sẵn sàng can thiệp và giúp đỡ các chú bất cứ lúc nào…*"

Sự việc liên quan đến nhân vật bí mật "XYZ và Chính Nghĩa" xẩy ra thấm thoát đã trên nửa thế kỷ qua. Để những bí mật lịch sử được tôn trọng và làm sáng tỏ, tránh bị chôn vùi cùng năm tháng. Để sử sách sau này có đủ những tài liệu chính xác của từng sự việc cụ thể, gắn bó đến đích thực con người cụ thể trong từng giai đoạn lịch sử, tránh cho các sử gia, các nhà học giả, cho thế hệ mai hậu bị dẫn dắt lạc hướng trong các cuộc nghiên cứu; nhân sắp đến ngày giỗ năm thứ 38 của cố LS Trần Văn Tuyên (26/10/1976-26/10/2014), và cũng "để trả lại sự thật về cho lịch sử", ngày hôm nay, được sự đồng ý của Hội Đồng Trần Tộc, chúng tôi xin mạn phép được công khai xác nhận:

"XYZ hay Chính Nghĩa, người "với hành tung và ngòi bút bí mật" mà ông Ngô Đình Nhu đã từng treo giải thưởng một triệu đồng cho ai tố giác để chính phủ và nhân viên an ninh truy lùng bắt được, đồng thời cũng là tác giả những bài tham luận chính trị (5) được đăng độc quyền trên tuần báo Thời Luận của ông Nghiêm Xuân Thiện vào những năm 1956-1958, thật sự chỉ là một người duy nhất... Và người đó chính là thân phụ của chúng tôi:

Cố LS Trần Văn Tuyên, Sinh ngày 1/9/1913 tại tỉnh Tuyên Quang, Bắc phần.

- Nguyên Phó Thủ Tướng Việt Nam Công Hòa,

- Nguyên Thủ Lãnh Luật Sư